

Số: 30 /2014/TT-BLĐTBXH

Hà Nội, ngày 24 tháng 10 năm 2014

THÔNG TƯ

Quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện công tác thi đua, khen thưởng ngành Lao động - Thương binh và Xã hội

Căn cứ Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2003; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng; Nghị định số 39/2012/NĐ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ; Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 106/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Thông tư số 07/2014/TT-BNV ngày 29 tháng 8 năm 2014 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thi hành một số điều Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng; Nghị định số 39/2012/NĐ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP; Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2013;

Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện công tác thi đua, khen thưởng ngành Lao động - Thương binh và Xã hội.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về mục đích, nguyên tắc thi đua, khen thưởng; quyền, nghĩa vụ của cá nhân, tập thể; tổ chức phong trào thi đua và tiêu chuẩn các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng; thẩm quyền, tuyến trình khen; hồ sơ, quy trình xét, lễ trao tặng; Hội đồng Thi đua - Khen thưởng, Hội đồng sáng kiến, Hội đồng khoa học các cấp; quỹ thi đua, khen thưởng; quản lý, lưu trữ và báo cáo, kiểm tra, xử lý vi phạm và giải quyết khiếu nại tố cáo về thi đua, khen thưởng trong ngành Lao động - Thương binh và Xã hội (sau đây viết tắt là Ngành).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cá nhân, tập thể làm việc trong các cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Lao động - Thương binh Xã hội (sau đây viết tắt là thuộc và trực thuộc Bộ); Sở Lao động - Thương binh và Xã hội các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây viết tắt là các Sở Lao động - Thương binh và Xã hội); Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội các huyện, quận, thị xã và thành phố trực thuộc tỉnh; cán bộ, công chức Văn hóa - Xã hội ở xã, phường, thị trấn.

2. Các cá nhân, tập thể ngoài Ngành là người Việt Nam, người Việt Nam ở nước ngoài và cá nhân, tập thể người nước ngoài có thành tích đóng góp cho sự nghiệp lao động, người có công và xã hội ở Việt Nam.

Điều 3. Nguyên tắc thi đua, khen thưởng

1. Nguyên tắc thi đua, khen thưởng thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2003; khoản 3 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2013; Điều 3 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng (sau đây viết tắt là Nghị định 42/2010/NĐ-CP) và Điều 2 Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2013 (sau đây viết tắt là Nghị định 65/2014/NĐ-CP).

2. Việc xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng được thực hiện công khai, dân chủ, đề nghị theo trình tự từ cơ sở, chú trọng cá nhân, tập thể trực tiếp lao động, sản xuất, có nhiều sáng tạo trong lao động, có thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ, bảo đảm đúng đối tượng, tiêu chuẩn và tỷ lệ quy định.

3. Bộ trưởng chỉ khen thưởng cho tập thể, cá nhân thuộc cấp tỉnh quản lý khi tiến hành phát động thi đua theo chuyên đề.

4. Đảm bảo nguyên tắc bình đẳng giới; lấy kết quả công tác cải cách thủ tục hành chính là một trong những tiêu chí để xét thi đua, khen thưởng hàng năm đối với các cá nhân và tập thể.

5. Trong một năm không trình hai hình thức khen thưởng cấp nhà nước cho một đối tượng (trừ trường hợp khen thưởng đột xuất). Các trường hợp đề nghị tặng thưởng Huân chương có tiêu chuẩn liên quan đến Bằng khen Thủ tướng Chính phủ thì sau 5 năm (tính từ ngày ký quyết định) mới được đề nghị xét tặng.

6. Không xét khen thưởng đối với các cá nhân mới tuyển dụng dưới 10 tháng; trong năm nghỉ từ 40 ngày làm việc trở lên.

7. Kết quả khen thưởng đột xuất, khen thưởng theo chuyên đề là một trong những cơ sở để xem xét khen thưởng theo công trạng và thành tích đạt được.

Điều 4. Quyền lợi của cá nhân, tập thể được khen thưởng

1. Cá nhân được tặng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng được nhận giấy chứng nhận, bằng khen, giấy khen và một khoản tiền thưởng hoặc hiện vật theo quy định tại các Điều 71, 72, 73, 74, 75, 76, 77 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP;

được xem xét nâng lương trước thời hạn; được ưu tiên cử đi học tập, đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ ở trong và ngoài nước; là một trong những tiêu chuẩn làm căn cứ để đánh giá khi quy hoạch, hoặc xem xét bổ nhiệm cán bộ.

2. Tập thể được tặng các danh hiệu thi đua, các hình thức khen thưởng kèm bằng khen, giấy chứng nhận và một khoản tiền thưởng hoặc hiện vật theo quy định; có quyền lưu giữ, trưng bày và sử dụng biểu tượng của các hình thức khen thưởng trên các văn bản, tài liệu chính thức của đơn vị.

Điều 5. Nghĩa vụ của các cá nhân, tập thể được tặng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng

1. Tiếp tục duy trì, phát huy thành tích đã đạt được xứng đáng với các danh hiệu thi đua, các hình thức khen thưởng đã được trao tặng.

2. Cá nhân, tập thể được tặng danh hiệu thi đua hoặc khen thưởng có nghĩa vụ bảo quản và sử dụng các hiện vật khen thưởng đúng mục đích và quy định.

Chương II

TỔ CHỨC PHONG TRÀO VÀ TIÊU CHUẨN DANH HIỆU THI ĐUA

Điều 6. Phong trào thi đua

1. Hình thức tổ chức phong trào thi đua thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 2 Thông tư số 07/2014/TT-BNV ngày 29 tháng 8 năm 2014 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thi hành một số điều Nghị định 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng; Nghị định 39/2012/NĐ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ; Nghị định 65/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2013 (sau đây viết tắt là Thông tư 07/2014/TT-BNV).

2. Phát động, chỉ đạo phong trào thi đua

a) Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (sau đây viết tắt là Bộ trưởng) phát động và chỉ đạo phong trào thi đua trong phạm vi toàn Ngành và trên mọi lĩnh vực do Bộ quản lý. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ (sau đây viết tắt là Hội đồng Bộ) có trách nhiệm tham mưu giúp Bộ trưởng về các nội dung thi đua và tổ chức phong trào thi đua;

b) Thủ trưởng cơ quan, đơn vị tổ chức phát động và chỉ đạo phong trào thi đua trong cơ quan, đơn vị do mình quản lý. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng đơn vị (sau đây viết tắt là Hội đồng đơn vị) có trách nhiệm tham mưu giúp thủ trưởng về các nội dung thi đua và tổ chức phong trào thi đua.

3. Nội dung tổ chức phong trào thi đua thực hiện theo quy định tại Điều 7 Nghị định 42/2010/NĐ-CP và Điều 3 Thông tư 07/2014/TT-BNV.

4. Sơ kết, tổng kết: Đối với các đợt thi đua theo chuyên đề do Bộ trưởng phát động trong phạm vi toàn quốc, phải tiến hành sơ kết, tổng kết để đánh giá kết quả, rút kinh nghiệm và bình xét công khai để lựa chọn những cá nhân, tập thể tiêu biểu, xuất sắc trong các phong trào đề nghị Bộ trưởng khen thưởng.

Điều 7. Các danh hiệu thi đua

1. Danh hiệu thi đua đối với cá nhân gồm:

- a) “Lao động tiên tiến”;
- b) “Chiến sĩ thi đua cơ sở”;
- c) “Chiến sĩ thi đua cấp Bộ”;
- d) “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”.

2. Danh hiệu thi đua đối với tập thể gồm:

- a) “Tập thể lao động tiên tiến”;
- b) “Tập thể lao động xuất sắc”;
- c) “Cờ thi đua cấp Bộ”;
- d) “Cờ thi đua của Chính phủ”.

3. Việc xét tặng các danh hiệu thi đua đối với cá nhân và tập thể chỉ thực hiện mỗi năm một lần vào dịp tổng kết năm.

Điều 8. Danh hiệu "Lao động tiên tiến"

1. Tiêu chuẩn chung

a) Danh hiệu "Lao động tiên tiến" được xét tặng cho các cá nhân đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 6, Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2013 và Điều 5 Nghị định 65/2014/NĐ-CP, trong đó việc hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao dựa trên kết quả của cấp có thẩm quyền về đánh giá, phân loại cán bộ, công chức theo quy định của Luật Cán bộ, công chức, Luật Viên chức và các văn bản liên quan.

b) Đạt từ 70 điểm trở lên theo thang điểm quy định tại mẫu số 14 ban hành kèm theo Thông tư.

2. Tiêu chuẩn đối với cá nhân giảng dạy ở các trung tâm dạy nghề; các trường trung cấp nghề, trường cao đẳng nghề và trường đại học có đăng ký dạy nghề (sau đây viết tắt là các trường dạy nghề).

Hoàn thành nhiệm vụ giảng dạy với chất lượng tốt, đạt hiệu quả cao (đạt 100% kế hoạch trở lên), cụ thể:

- a) Đầy đủ hồ sơ giảng dạy theo quy định;
- b) Truyền đạt đầy đủ chương trình môn học và đảm bảo tiến độ giảng dạy;
- c) Có phương pháp giảng dạy phù hợp, dễ hiểu để học viên, học sinh, sinh viên tiếp thu kiến thức và rèn luyện kỹ năng thực hành;
- d) Sử dụng thành thạo, hợp lý, có hiệu quả trang, thiết bị dạy học;
- đ) Có kỹ năng sư phạm, thực hiện tốt việc giáo dục, bồi dưỡng nhân cách cho người học;
- e) Tham gia làm đồ dùng dạy học, mô hình học cụ và tham gia xây dựng phòng học chuyên môn hoá;

g) Được công nhận đạt danh hiệu giáo viên hoặc giảng viên dạy giỏi cấp trường, trung tâm trở lên;

h) Kết quả học tập của học sinh, sinh viên về môn học do giáo viên, giảng viên phụ trách có 85% trở lên đạt yêu cầu, trong đó có ít nhất 30% khá, giỏi;

i) Có phẩm chất đạo đức tốt; tích cực tham gia các phong trào thi đua, không vi phạm các tệ nạn xã hội. Cụ thể: Có trách nhiệm cao với công việc, khiêm tốn, giản dị trong lối sống, được đồng nghiệp và học sinh, sinh viên tin yêu, quý trọng; gương mẫu trong việc chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; nghiêm túc thực hiện điều lệ, quy chế, nội quy của trường, của trung tâm; không vi phạm các tệ nạn xã hội; có tinh thần khắc phục khó khăn, tương trợ hợp tác tốt với đồng nghiệp; là nhân tố tích cực trong các phong trào thi đua do cơ quan, đơn vị phát động hoặc hưởng ứng các phong trào thi đua do tỉnh hoặc Bộ phát động, các hoạt động xã hội, đoàn thể và có nhiều đóng góp xây dựng tập thể đoàn kết, vững mạnh;

k) Tích cực học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ, cụ thể: Tích cực học tập chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, ngoại ngữ, tin học và cập nhật thông tin khoa học, công nghệ phục vụ chuyên môn giảng dạy; tham gia hoạt động nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ, nghiệp vụ sư phạm vào giảng dạy.

Điều 9. Danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở"

1. Danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở" được xét tặng cho các cá nhân đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 23 Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2003, khoản 5 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2013 và Điều 4 Nghị định 65/2014/NĐ-CP. Tỷ lệ cá nhân được công nhận danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở" không quá 15% tổng số cá nhân đạt danh hiệu "Lao động tiên tiến" của đơn vị.

2. Đạt từ 90 điểm trở lên theo thang điểm quy định tại mẫu số 14 ban hành kèm theo Thông tư.

Điều 10. Danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cấp Bộ"

Danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cấp Bộ" được xét chọn trong số các cá nhân đạt danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở" làm việc tại các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ, có thành tích tiêu biểu xuất sắc và đạt các tiêu chuẩn quy định tại Điều 22 Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2003 và Điều 14 Nghị định 42/2010/NĐ-CP. Hoặc cá nhân có 03 năm liên tục đạt danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở", trong 03 năm đó có ít nhất 01 lần đạt giải nhất tại các Hội giảng, Hội thi cấp Bộ hoặc cấp tỉnh.

Điều 11. Danh hiệu "Chiến sĩ thi đua toàn quốc"

Danh hiệu "Chiến sĩ thi đua toàn quốc" được xét chọn trong số các cá nhân đạt danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở" làm việc tại các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ, có thành tích tiêu biểu đặc biệt xuất sắc và đạt các tiêu chuẩn quy định tại Điều 21 Luật Thi đua, Khen thưởng 2003, khoản 5 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2013 và Điều 3 Nghị định 65/2014/NĐ-CP. Hoặc cá nhân có hai lần liên tục đạt danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cấp Bộ" ngay trước thời điểm đề nghị, trong 06 năm đó có ít nhất 01 lần đạt giải nhất trong các Hội thi, Hội giảng cấp quốc gia, khu vực và quốc tế.

Điều 12. Danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”

1. Tiêu chuẩn chung

a) Danh hiệu "Tập thể lao động tiên tiến" được xét tặng cho các tập thể đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 28 Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2003, trong đó tập thể hoàn thành tốt nhiệm vụ là tập thể hoàn thành trên 100% nhiệm vụ được giao, có từ 95% trở lên cá nhân trong tập thể hoàn thành tốt nhiệm vụ;

b) Đạt từ 70 điểm trở lên theo thang điểm quy định tại mẫu số 09, 10, 11, 13 ban hành kèm theo Thông tư.

2. Tiêu chuẩn đối với các trung tâm dạy nghề, các trường dạy nghề

Thực hiện đào tạo đúng mục tiêu, có chất lượng, đạt hiệu quả cao, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, cụ thể:

a) Hoàn thành chỉ tiêu đào tạo được giao về cơ cấu ngành nghề, số lượng, chất lượng đào tạo, tỷ lệ học sinh, sinh viên tốt nghiệp đạt từ 85% trở lên, trong đó có ít nhất 30% học sinh, sinh viên xếp loại khá, giỏi;

b) Thực hiện nghiêm túc các quy định trong hoạt động đào tạo;

c) Biên soạn đề cương bài giảng, giáo trình cho các môn học; đảm bảo có đủ giáo trình, tài liệu và các điều kiện phục vụ giảng dạy, học tập;

d) Đổi mới nội dung, phương pháp đào tạo; thường xuyên tổ chức phổ biến thông tin khoa học, công nghệ mới để nâng cao chất lượng đào tạo;

đ) Xây dựng phòng học chuyên môn hoá, tự làm thiết bị và đồ dùng dạy học;

e) Tổ chức Hội giảng, thi học sinh, sinh viên giỏi hàng năm có nề nếp; có giáo viên đạt giải trong các Hội thi giáo viên dạy nghề và học sinh, sinh viên đạt giải trong các kỳ thi học sinh, sinh viên giỏi nghề cấp trường, trung tâm trở lên;

g) Xây dựng đội ngũ giáo viên, giảng viên đủ về số lượng, cơ cấu có chất lượng, thực hiện việc chuẩn hoá giáo viên, giảng viên dạy nghề, cụ thể: Có đội ngũ giáo viên, giảng viên chất lượng cao, đủ số lượng, cơ cấu hợp lý; số lượng giáo viên, giảng viên đạt chuẩn theo quy định: Ít nhất 70% đối với trường dạy nghề và ít nhất 50% đối với trung tâm dạy nghề; tin học: Có ít nhất 75% số giáo viên, giảng viên đạt từ trình độ A trở lên đối với trường dạy nghề, 60% đối với trung tâm dạy nghề, trong đó đạt trình độ B từ 50% trở lên đối với trường dạy nghề và 30% đối với trung tâm dạy nghề; ngoại ngữ thông dụng: Có ít nhất 70% số giáo viên, giảng viên đạt trình độ A trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt trình độ B trở lên đối với trường dạy nghề; ít nhất 50% số giáo viên đạt trình độ A trở lên đối với trung tâm dạy nghề; duy trì dự giờ, dự lớp thường xuyên: Có ít nhất 90% số bài giảng đạt yêu cầu; ít nhất 85% giáo viên tham gia Hội giảng cấp cơ sở hàng năm, trong đó có ít nhất 20% đạt giải;

h) Ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ vào giảng dạy, thực tập gắn với lao động sản xuất, xây dựng cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu đào tạo, cụ thể: Ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ vào giảng dạy; liên kết với các cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ, cơ sở đào tạo khác để gắn thực hành, thực tập với lao động sản xuất nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo; có đủ phòng học, xưởng thực hành, cơ sở thực tập, phương tiện kỹ thuật phục vụ cho đào tạo

và hàng năm được bổ sung, đổi mới; bảo quản, sử dụng, khai thác hiệu quả cơ sở vật chất kỹ thuật;

i) Có ít nhất 50% cá nhân trong tập thể đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến”; có cá nhân đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”; không có cán bộ giáo viên vi phạm các tệ nạn xã hội hoặc bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên;

k) Chấp hành tốt đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; thực hiện tốt chính sách, chế độ đối với giáo viên, cán bộ, công nhân viên và học sinh, sinh viên; xây dựng môi trường sư phạm lành mạnh, tổ chức quản lý nhà trường, trung tâm có nề nếp, xây dựng tập thể đoàn kết, vững mạnh, làm tốt công tác thi đua khen thưởng. Cụ thể: Tổ chức bộ máy tinh gọn, có hiệu lực, thực hiện điều hành quản lý theo đúng chức năng nhiệm vụ; đảm bảo an ninh, trật tự và an toàn trong mọi hoạt động của trường, trung tâm; có biện pháp tích cực phòng chống, bài trừ các tệ nạn xã hội; không có học sinh, sinh viên vi phạm các tệ nạn xã hội; có quan hệ hợp tác, đoàn kết và tích cực tham gia các hoạt động phong trào của địa phương; tổ chức tốt các phong trào hoạt động giáo dục về môi trường, dân số, văn hoá, thể thao và các phong trào khác; tập thể giáo viên, cán bộ, công nhân viên đoàn kết, thực hiện tốt quy chế dân chủ, chăm lo cải thiện đời sống, điều kiện làm việc cho giáo viên, cán bộ công nhân viên; điều kiện ăn, ở, sinh hoạt cho học sinh, sinh viên; mỗi năm học thực hiện tự kiểm tra ít nhất một lần.

Điều 13. Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”

1. Tiêu chuẩn chung

a) Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” được xét tặng cho các tập thể đạt các tiêu chuẩn quy định tại Điều 27 Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2003;

b) Đạt từ 90 điểm trở lên theo thang điểm quy định tại mẫu số 09, 10, 11, 13 ban hành kèm theo Thông tư.

c) Tỷ lệ tập thể nhỏ trong đơn vị được công nhận danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” không quá 40% tổng số tập thể của đơn vị theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

2. Tiêu chuẩn đối với các trung tâm dạy nghề, trường dạy nghề

Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” được xét tặng cho các tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Thực hiện nhiệm vụ đào tạo đúng mục tiêu, có chất lượng, đạt hiệu quả cao, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao;

b) Tỷ lệ học sinh, sinh viên tốt nghiệp đạt 95%; trong đó khá giỏi đạt 50%;

c) Có đội ngũ giáo viên chất lượng cao; đủ số lượng và cơ cấu hợp lý, cụ thể: Số lượng giáo viên, giảng viên đạt tiêu chuẩn theo quy định: Có ít nhất 80% đối với trường dạy nghề và ít nhất 60% đối với trung tâm dạy nghề; tin học: có ít nhất 80% số giáo viên, giảng viên đạt từ trình độ A trở lên đối với trường dạy nghề và 65% đối với trung tâm dạy nghề; trong đó đạt trình độ B từ 60% trở lên đối với trường dạy nghề, 40% đối với trung tâm dạy nghề; ngoại ngữ thông dụng: Có ít nhất 80% giáo viên, giảng viên đạt trình độ A trở lên, trong đó có ít nhất 40% đạt

trình độ B trở lên đối với trường dạy nghề; có ít nhất 60% giáo viên đạt trình độ A trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt trình độ B trở lên đối với trung tâm dạy nghề; duy trì dự giờ: Có ít nhất 95% số bài giảng đạt yêu cầu, 100% giáo viên, giảng viên tham gia Hội giảng cơ sở hàng năm, trong đó có ít nhất 25% đoạt giải chính thức, có giáo viên, giảng viên đoạt giải chính thức tại hội thi cấp Bộ, tỉnh;

d) Ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ vào giảng dạy, thực tập gắn với lao động sản xuất, xây dựng cơ sở vật chất đáp ứng tốt yêu cầu đào tạo;

đ) Có 100% cá nhân trong tập thể hoàn thành nhiệm vụ, trong đó có ít nhất 70% cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến”; có cá nhân đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở”; không có cán bộ, giáo viên, nhân viên vi phạm các tệ nạn xã hội hoặc bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên;

e) Chấp hành tốt đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; thực hiện tốt chính sách, chế độ đối với giáo viên, cán bộ, công nhân viên và học sinh, sinh viên; xây dựng môi trường sư phạm lành mạnh, tổ chức quản lý nhà trường, trung tâm có nề nếp, xây dựng tập thể đoàn kết, vững mạnh.

Điều 14. Danh hiệu “Cờ thi đua của Bộ”

1. Tiêu chuẩn chung

Được xét tặng cho các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ, các Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có thành tích xuất sắc dẫn đầu các phong trào thi đua do Bộ phát động, hoàn thành vượt mức 100% các chỉ tiêu nhiệm vụ được giao trong năm, có 100% cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến”, 100% tập thể đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến”, trong đó có trên 70% tập thể nhỏ đạt danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” và đạt các tiêu chuẩn quy định tại Điều 26 Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2003.

2. Tiêu chuẩn Danh hiệu Cờ thi đua theo lĩnh vực an toàn, vệ sinh lao động

Tặng cho doanh nghiệp hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, dẫn đầu phong trào thi đua và đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Có giải pháp mới về an toàn, vệ sinh lao động;

b) Hàng năm, có kế hoạch bảo hộ lao động đáp ứng được yêu cầu an toàn, vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ, có dự trù kinh phí, tổ chức thực hiện tốt kế hoạch đã đề ra, đáp ứng yêu cầu phát triển sản xuất;

c) Có quy định phân công rõ chế độ trách nhiệm về an toàn, vệ sinh lao động đối với từng cấp, từng chức danh quản lý; có cán bộ chuyên trách hoặc bán chuyên trách làm công tác bảo hộ lao động, có mạng lưới an toàn vệ sinh viên, có lực lượng phòng cháy, chữa cháy hoạt động hiệu quả;

d) Có nội quy an toàn, quy trình sản xuất an toàn, nhiều biện pháp và đầu tư để cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động;

đ) Thực hiện đúng và đầy đủ các chế độ, quy định về bảo hộ lao động theo quy định của pháp luật, cụ thể: Chế độ bồi thường, trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; chế độ bồi dưỡng bằng hiện vật; chế độ khám sức khoẻ định kỳ cho người lao động; chế độ thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi, làm thêm giờ; trang bị các phương tiện bảo vệ cá nhân, phương tiện cấp cứu theo quy định

và duy trì thường xuyên việc kiểm tra, đảm bảo sử dụng hiệu quả; huấn luyện an toàn lao động, vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ; kiểm định các loại máy, thiết bị vật tư, các chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động; thống kê, báo cáo định kỳ về tình hình tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; thực hiện tự kiểm tra về an toàn, vệ sinh lao động; thực hiện báo cáo về công tác an toàn, vệ sinh lao động theo quy định;

e) Trong năm doanh nghiệp không để xảy ra tai nạn lao động chết người hoặc bị thương nhiều người, không xảy ra cháy nổ;

g) Đảm bảo môi trường xanh sạch đẹp;

h) Trong năm doanh nghiệp đã tham gia hưởng ứng các phong trào thi đua đảm bảo an toàn, vệ sinh lao động, phát động tuần lễ quốc gia về an toàn, vệ sinh lao động - Phòng chống cháy nổ.

3. Tiêu chuẩn danh hiệu Cờ thi đua theo lĩnh vực dạy nghề

Tặng cho các trường cao đẳng và đại học có đăng ký dạy nghề hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ dẫn đầu phong trào thi đua, tiêu biểu thuộc khối Trung ương, địa phương về công tác dạy nghề và đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Thực hiện nhiệm vụ đào tạo đúng mục tiêu, có chất lượng, đạt hiệu quả cao, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao;

b) Tỷ lệ học sinh, sinh viên tốt nghiệp đạt 100%; trong đó khá, giỏi đạt trên 70%;

c) Xây dựng đội ngũ cán bộ giảng dạy có chất lượng; đủ số lượng, cơ cấu đồng bộ;

d) Ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ vào giảng dạy, thực tập gắn với lao động sản xuất, xây dựng cơ sở vật chất đáp ứng tốt yêu cầu đào tạo;

đ) Có trên 95% cá nhân hoàn thành tốt nhiệm vụ, trong đó có ít nhất 90% đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến”; có cá nhân đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”; không có cán bộ, giáo viên, nhân viên vi phạm các tệ nạn xã hội hoặc bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên;

e) Chấp hành tốt đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; thực hiện tốt chính sách, chế độ đối với giáo viên, cán bộ, công nhân viên và học sinh, sinh viên; xây dựng môi trường sư phạm lành mạnh, tổ chức quản lý Nhà trường, Trung tâm có nề nếp, xây dựng tập thể đoàn kết, vững mạnh.

Điều 15. Danh hiệu “Cờ thi đua Chính phủ”

Được lựa chọn trong số các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ có thành tích tiêu biểu xuất sắc nhất, dẫn đầu các khối thi đua của Bộ, đã được tặng Cờ thi đua của Bộ và đạt các tiêu chuẩn quy định tại Điều 25 Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2003, khoản 7 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2013, Điều 16 Nghị định 42/2010/NĐ-CP và Điều 6 Nghị định 65/2014/NĐ-CP.

Điều 16. Đăng ký danh hiệu thi đua

1. Hàng năm, các đơn vị, các cá nhân, tập thể trong đơn vị phải đăng ký các danh hiệu thi đua trong năm để phấn đấu, đạt được.

2. Đăng ký thi đua của các đơn vị gửi về Hội đồng Bộ trước ngày 31 tháng 3 để tổng hợp theo dõi, chỉ đạo và làm căn cứ xét tặng danh hiệu thi đua cuối năm. Hội đồng Bộ không xét khen thưởng đối với các cá nhân, đơn vị không đăng ký thi đua hoặc đăng ký thi đua gửi về Bộ sau ngày 31 tháng 3 (Mẫu số 01, 02 ban hành kèm theo Thông tư).

Chương III

HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG VÀ TIÊU CHUẨN KHEN THƯỞNG

Điều 17 . Các hình thức khen thưởng do Bộ trình cấp trên quyết định

1. Huân chương

- a) Huân chương Sao vàng;
- b) Huân chương Hồ Chí Minh;
- c) Huân chương Độc lập hạng Nhất, hạng Nhì, hạng Ba;
- d) Huân chương Lao động hạng Nhất, hạng Nhì, hạng Ba;
- đ) Huân chương Dũng cảm;
- e) Huân chương Hữu nghị.

2. Huy chương Hữu nghị

3. Danh hiệu Vinh dự Nhà nước

- a) Danh hiệu “Anh hùng Lao động”;
- b) Danh hiệu “Nhà giáo Nhân dân”, “Nhà giáo Ưu tú”;
- c) Danh hiệu “Thầy thuốc Nhân dân”, “Thầy thuốc Ưu tú”;
- d) Danh hiệu “Bà mẹ Việt Nam Anh hùng”.

4. Giải thưởng cao quý

- a) Giải thưởng Hồ Chí Minh;
- b) Giải thưởng Nhà nước.

5. Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ

Điều 18. Các hình thức khen thưởng của Ngành

1. Bằng khen của Bộ trưởng;

2. Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Lao động - Thương binh và Xã hội” của Ngành;

3. Giấy khen của thủ trưởng các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ; Giám đốc các Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

Điều 19. Tiêu chuẩn khen thưởng cấp nhà nước

Tiêu chuẩn Huân chương, Huy chương, danh hiệu vinh dự Nhà nước, giải thưởng cao quý, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ được thực hiện theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 20; khoản 1 Điều 21; Điều 38, 39, 42, 44, 45, 46 và 47 Nghị định 42/2010/NĐ-CP; Điều 7, 8, 9, 10, 11, 15, 16, 17, 22 và 23 Nghị định 65/2014/NĐ-CP và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

Điều 20. Bằng khen của Bộ trưởng dịp tổng kết năm

1. Đối với cá nhân

a) Bằng khen Bộ tặng cho các cá nhân đạt các tiêu chuẩn quy định tại khoản 39 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2013, điểm c khoản 1 Điều 24 Nghị định 65/2014/NĐ-CP, trong đó việc đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ dựa trên kết quả của cấp có thẩm quyền về đánh giá, phân loại cán bộ, công chức theo quy định của Luật Cán bộ, công chức, Luật Viên chức và các văn bản liên quan;

b) Tỷ lệ cá nhân trong một năm đề nghị tặng Bằng khen Bộ không quá 15% tổng số cán bộ, công chức, viên chức và người lao động của đơn vị.

2. Đối với tập thể

a) Bằng khen Bộ tặng cho các tập thể hoàn thành 100% nhiệm vụ được giao, trong đó có nhiệm vụ hoàn thành vượt tiến độ, đạt chất lượng cao và đạt các tiêu chuẩn quy định tại khoản 39 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2013, khoản 2 Điều 24 Nghị định 65/2014/NĐ-CP;

b) Trong một năm, tỷ lệ tập thể nhỏ đề nghị khen Bằng khen Bộ không quá 40% tổng số tập thể của đơn vị (theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền).

3. Đối với tập thể, cá nhân trong năm được tặng thưởng hình thức khen thưởng theo công trạng và thành tích đạt được cấp Nhà nước hoặc cấp tỉnh, cấp bộ, ngành trung ương thì năm liền kề không trình khen thưởng Bằng khen Bộ.

Điều 21. Bằng khen của Bộ trưởng theo chuyên đề hoặc khen đột xuất

Bằng khen Bộ tặng cho các cá nhân, tập thể đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 39 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2013, điểm a, b khoản 1, khoản 2 Điều 24 Nghị định 65/NĐ-CP.

Điều 22. Bằng khen của Bộ trưởng theo lĩnh vực

Bằng khen Bộ tặng cho các cá nhân, tập thể có nhiều đóng góp hoặc tích cực tham gia các phong trào thi đua hàng năm do Bộ phát động, thực hiện tốt các chính sách liên quan đến lao động, người có công và xã hội, cụ thể như sau:

1. Lĩnh vực an toàn, vệ sinh lao động

a) Cá nhân: Thực hiện nghiêm nội quy, quy trình, quy phạm về an toàn, vệ sinh lao động, 02 năm liên tục không để xảy ra tai nạn lao động, sự cố máy, thiết bị; đề xuất các kế hoạch, biện pháp triển khai thực hiện các quy định về an toàn, vệ sinh lao động - Phòng chống cháy nổ; sáng kiến cải tiến kỹ thuật nhằm cải tạo điều kiện làm việc và ngăn ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; có thành tích xuất sắc được bình xét trong các phong trào thi đua hoặc thành tích đột xuất về công tác an toàn, vệ sinh lao động - Phòng chống cháy nổ.

b) Tập thể: Thực hiện đúng, đầy đủ các chế độ (bồi thường, trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, bồi dưỡng bằng hiện vật, thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi, khám sức khỏe, trang bị thiết bị bảo vệ các nhân..), các quy định về bảo hộ lao động, phòng chống cháy nổ (có phương án bảo hộ lao động đáp ứng được yêu cầu; có nội quy an toàn, quy trình sản xuất an toàn; có mạng lưới an toàn viên, lực

lượng phòng cháy, chữa cháy hoạt động hiệu quả...); 02 năm liên tục không để xảy ra cháy nổ lớn hoặc tai nạn lao động gây chết hoặc bị thương nhiều người.

2. Lĩnh vực việc làm và bảo hiểm thất nghiệp

a) Cá nhân: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và nghĩa vụ công dân; thực hiện đúng các quy định của pháp luật về hoạt động giới thiệu việc làm hoặc có sáng kiến cải tiến quy trình làm việc, đề xuất và ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật nâng cao hiệu quả hoạt động giới thiệu việc làm.

b) Tập thể: Hoàn thành vượt mức kế hoạch đề ra trong năm; thực hiện đúng các quy định của pháp luật về hoạt động giới thiệu việc làm; có sáng kiến cải tiến quy trình làm việc, tạo nhiều việc làm mới, đem lại thu nhập ổn định cho người lao động; có sáng kiến giải pháp tăng năng suất lao động hoặc lập thành tích xuất sắc, đột xuất về lĩnh vực việc làm.

3. Lĩnh vực quản lý lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng

a) Cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc trong lĩnh vực đưa lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

b) Cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc đột xuất trong lĩnh vực đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài như: Củng cố, khai thác, mở rộng và phát triển thị trường lao động; quản lý, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người lao động và doanh nghiệp trong lĩnh vực chuyên môn.

4. Lĩnh vực phòng, chống tệ nạn xã hội

a) Cá nhân: Cá nhân 02 năm liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ hoặc có thành tích đột xuất trong lĩnh vực: Phòng, chống mại dâm; cai nghiện ma túy; quản lý sau cai nghiện ma túy; hỗ trợ nạn nhân bị mua bán trở về và xây dựng xã, phường lành mạnh không có tệ nạn xã hội.

b) Tập thể: Tập thể 02 năm liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ hoặc có thành tích đột xuất trong lĩnh vực: Phòng, chống mại dâm; cai nghiện ma túy; quản lý sau cai nghiện ma túy; hỗ trợ nạn nhân bị mua bán trở về và xây dựng xã, phường lành mạnh không có tệ nạn xã hội.

5. Lĩnh vực dạy nghề

a) Cá nhân: Có thành tích xuất sắc trong tổ chức các Hội thi; các chương trình đào tạo, dạy nghề hoặc đạt giải tại Hội thi thiết bị dạy nghề tự làm, Hội giảng giáo viên dạy nghề toàn quốc; Hội thi tay nghề quốc gia, ASEAN và thế giới hoặc có thành tích xuất sắc trong các phong trào thi đua do Bộ phát động.

b) Tập thể: Có 02 năm liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, thực hiện nhiệm vụ đào tạo đúng mục tiêu, có chất lượng, đạt hiệu quả cao (tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp, chất lượng đội ngũ giảng viên, giáo viên, tỷ lệ cá nhân trong trường, trung tâm hoàn thành tốt nhiệm vụ, tỷ lệ Chiến sĩ thi đua cơ sở... tương tự như quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 13 của Thông tư).

Chấp hành tốt đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; thực hiện tốt chính sách, chế độ đối với giáo viên, cán bộ, công nhân viên và học sinh, sinh viên; xây dựng môi trường sư phạm lành mạnh, tổ

chức quản lý nhà trường, trung tâm có nề nếp, xây dựng tập thể đoàn kết, vững mạnh.

Các tập thể có thành tích xuất sắc trong phối hợp tổ chức Hội thi, các Chương trình đào tạo, dạy nghề hoặc có nhiều cá nhân đạt giải tại Hội thi thiết bị dạy nghề tự làm toàn quốc, Hội giảng giáo viên dạy nghề toàn quốc, Hội thi tay nghề quốc gia, Hội thi tay nghề ASEAN và thế giới.

6. Lĩnh vực người có công

a) Đối với cá nhân, tập thể: Có thành tích xuất sắc được bình xét trong các phong trào “Đền ơn - Đáp nghĩa”, “Uống nước nhớ nguồn” hoặc có thành tích đột xuất trong công tác người có công.

b) Đối với đối tượng là người có công: Khắc phục khó khăn vươn lên, đạt thành tích xuất sắc trong lao động, sản xuất, học tập và công tác.

7. Lĩnh vực bảo trợ xã hội

a) Cá nhân: Có thành tích tiêu biểu, xuất sắc trong hoạt động chăm sóc người cao tuổi, người khuyết tật, trẻ em mồ côi và các đối tượng khác; đóng góp, ủng hộ tiền, vật chất cho các đối tượng trên trong thời gian 2 năm liên tục.

b) Tập thể ở các địa phương: Thực hiện đầy đủ, kịp thời chế độ, chính sách đối với các đối tượng bảo trợ xã hội; tỷ lệ hộ nghèo giảm 2%/năm theo chuẩn nghèo quốc gia; trợ giúp đột xuất được tiến hành kịp thời, đúng đối tượng, đúng chế độ; triển khai tốt các chương trình, đề án của Chính phủ và của Ngành; tổng hợp, báo cáo đầy đủ thông tin, số liệu về công tác bảo trợ xã hội và giảm nghèo.

c) Đối với cơ sở bảo trợ xã hội: Có thành tích tiêu biểu, xuất sắc liên tục trong 2 năm về các hoạt động trợ giúp xã hội và giảm nghèo.

8. Lĩnh vực bảo vệ, chăm sóc trẻ em

a) Cá nhân: Có thành tích xuất sắc được bình xét trong các phong trào thi đua bảo vệ và chăm sóc trẻ em hoặc có thành tích đột xuất trong lĩnh vực bảo vệ, chăm sóc trẻ em.

b) Tập thể: Đã có thành tích tiêu biểu, xuất sắc trong 02 năm liên tục về các hoạt động bảo vệ, chăm sóc trẻ em.

9. Lĩnh vực bình đẳng giới

a) Cá nhân: Có thành tích xuất sắc hoặc đột xuất được bình xét trong các phong trào thi đua về bình đẳng giới, vì sự tiến bộ của phụ nữ.

b) Tập thể: Có thành tích tiêu biểu xuất sắc 02 năm liên tục về triển khai các hoạt động về bình đẳng giới, chiến lược quốc gia về bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ.

Điều 23. Tiêu chuẩn Giấy khen của thủ trưởng các đơn vị

1. Giấy khen là hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của thủ trưởng các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ; Giám đốc các Sở Lao động - Thương binh và Xã hội dùng để tặng cho các cá nhân và tập thể có nhiều đóng góp cho đơn vị và đạt một trong các tiêu chuẩn quy định tại khoản 42, Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2013.

2. Việc tặng Giấy khen của thủ trưởng đơn vị được tiến hành thường xuyên, kịp thời cho các cá nhân, tập thể hoàn thành tốt nhiệm vụ ngay sau khi kết thúc đợt thi đua ngắn ngày, đợt thi đua theo chuyên đề, hoặc hoàn thành một hạng mục công trình và do thủ trưởng cơ quan đơn vị quản lý trực tiếp xem xét, quyết định tặng thưởng.

Điều 24. Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Lao động - Thương binh và Xã hội”

Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Lao động - Thương binh và Xã hội” là hình thức khen thưởng của Ngành Lao động - Thương binh và Xã hội để tặng cho các cá nhân trong và ngoài Ngành có nhiều đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và phát triển ngành Lao động - Thương binh và Xã hội ở Việt Nam. Kỷ niệm chương chỉ có một hạng và mỗi cá nhân chỉ được tặng 1 lần khi đạt một trong các tiêu chuẩn cụ thể như sau:

1. Đối với cá nhân trong Ngành

a) Có thời gian công tác liên tục từ 15 năm trở lên, luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước; nội quy, quy chế của cơ quan.

Đối với cá nhân đã có thời gian công tác trong các lĩnh vực quản lý của Ngành, ở các Bộ, ban, ngành, đoàn thể khác, nhưng sau đó chuyển sang ngành Lao động - Thương binh và Xã hội làm việc thì thời gian đó được cộng gộp để tính thời gian công tác trong Ngành;

Thời gian công tác thực tế trong Ngành được làm tròn đến ngày 28 tháng 8 của năm xét khen thưởng (không tính thời gian quy đổi);

Không xét tặng cho các trường hợp nghỉ hưu từ tháng 8/1995 trở về trước, trừ trường hợp sau khi nghỉ hưu vẫn tiếp tục tham gia công tác đóng góp cho Ngành (thời gian công tác trước khi nghỉ hưu được cộng dồn với thời gian công tác hiện tại để xét tặng).

b) Những cán bộ chủ chốt của Ngành (Lãnh đạo Bộ, Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ, Giám đốc, Phó Giám đốc các Sở Lao động - Thương binh và Xã hội) có thời gian công tác liên tục trong Ngành từ 5 năm trở lên; Trưởng, Phó Trưởng phòng Lao động - Thương binh - Xã hội cấp huyện có thời gian công tác trong ngành đủ 10 năm trở lên nếu được điều động sang công tác tại Ngành khác, đã hoặc chuẩn bị nghỉ hưu cũng được xét tặng.

2. Đối với cá nhân ngoài Ngành

a) Có từ 5 năm liên tục (hoặc ít nhất một nhiệm kỳ công tác đối với cá nhân là người nước ngoài) trở lên phối hợp chặt chẽ với Ngành thực hiện các chế độ, chính sách liên quan đến công tác lao động, người có công và xã hội, mang lại nhiều hiệu quả.

b) Những cá nhân có thành tích xuất sắc, đột xuất.

Chương IV
THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH, TUYẾN TRÌNH KHEN, HỒ SƠ, QUY TRÌNH
XÉT KHEN THƯỞNG VÀ LỄ TRAO TẶNG

Điều 25. Thẩm quyền quyết định tặng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng

1. Thẩm quyền quyết định tặng các hình thức khen thưởng của Chủ tịch nước, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, thực hiện theo Điều 77, 78 của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2003.

2. Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quyết định tặng Cờ thi đua cho các tập thể có thành tích xuất sắc, dẫn đầu trong các phong trào thi đua do Bộ phát động; danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp Bộ” cho cá nhân, danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” cho tập thể tại các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ; danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” cho thủ trưởng các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ; Bằng khen Bộ cho các cá nhân, tập thể, Kỷ niệm chương cho các cá nhân trong và ngoài Ngành.

3. Thủ trưởng các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ có tư cách pháp nhân quyết định công nhận các danh hiệu: “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, “Tập thể lao động tiên tiến” và tặng Giấy khen cho các cá nhân và tập thể thuộc đơn vị mình, trình cấp có thẩm quyền các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng theo quy định.

Hàng năm, thủ trưởng đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ gửi các quyết định công nhận danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng theo thẩm quyền về Hội đồng Bộ trước ngày 31 tháng 01 để Hội đồng Bộ theo dõi và quản lý.

4. Giám đốc các Sở Lao động - Thương binh và Xã hội quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cho các cá nhân và tập thể của đơn vị mình, trình cấp có thẩm quyền xem xét, tặng thưởng theo quy định.

Điều 26. Tuyến trình khen thưởng

1. Cấp nào quản lý về tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và quỹ lương thì cấp đó có trách nhiệm khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng đối với các đối tượng thuộc phạm vi quản lý.

2. Cấp nào phát động phong trào thi đua thì cấp đó lựa chọn các cá nhân, tập thể xuất sắc để tặng thưởng hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền tặng thưởng.

3. Trường hợp khen thưởng theo thẩm quyền của Bộ trưởng:

a) Đối với cá nhân, tập thể trong Ngành ở địa phương: Giám đốc các Sở Lao động - Thương binh và Xã hội làm tờ trình kèm biên bản họp Hội đồng của Sở và báo cáo thành tích của các trường hợp đề nghị khen thưởng (có xác nhận cơ quan quản lý trực tiếp), gửi về Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ (sau đây viết tắt là Thường trực Hội đồng Bộ);

b) Đối với cá nhân, tập thể ngoài Ngành ở địa phương đề nghị khen thưởng theo chuyên đề, lĩnh vực hàng năm hoặc tổng kết giai đoạn do Giám đốc các Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp hồ sơ gửi về các Cục, Vụ, Viện, Tổng cục (sau khi có ý kiến của Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh); các Cục, Vụ,

Viện, Tổng cục có trách nhiệm xem xét, tổng hợp gửi về Thường trực Hội đồng Bộ xét, trình Bộ trưởng xem xét quyết định;

c) Đối với cá nhân, tập thể các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ, các cá nhân, tập thể ngoài Ngành ở trung ương do Vụ trưởng, Tổng Cục trưởng, Cục trưởng, thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ lập hồ sơ gửi về Thường trực Hội đồng Bộ xét, trình Bộ trưởng xem xét quyết định;

d) Đối với cá nhân là người nước ngoài: Thủ trưởng đơn vị có liên quan làm tờ trình kèm bản tóm tắt thành tích (Mẫu số 05, 06 ban hành kèm theo Thông tư) và danh sách trích ngang đề nghị khen thưởng, gửi về Vụ Hợp tác quốc tế (Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội). Vụ Hợp tác quốc tế xin ý kiến các cơ quan có liên quan, tổng hợp gửi Thường trực Hội đồng Bộ xét, trình Bộ trưởng xem xét, quyết định.

Điều 27. Hồ sơ đề nghị khen thưởng

1. Đối với các hình thức khen thưởng cấp nhà nước: Huân chương, Huy chương các loại, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Cờ thi đua của Chính phủ, danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”; khen thưởng theo quá trình cống hiến; danh hiệu “Anh hùng Lao động”; danh hiệu “Thầy thuốc nhân dân”, “Thầy thuốc ưu tú”; danh hiệu “Nhà giáo nhân dân”, “Nhà giáo ưu tú”; Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước thực hiện theo Luật Thi đua, Khen thưởng, Nghị định 42/2010/NĐ-CP, Nghị định 39/2012/NĐ-CP, Nghị định 65/2014/NĐ-CP, Thông tư số 07/2014/TT-BNV và các văn bản có liên quan.

2. Đối với Bằng khen Bộ; các danh hiệu: “Cờ thi đua của Bộ”, “Tập thể lao động xuất sắc”, “Chiến sĩ thi đua cấp Bộ”; Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Lao động - Thương binh và Xã hội”.

a) Bằng khen Bộ cho tập thể và cá nhân, danh hiệu “Cờ thi đua của Bộ”, danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” hồ sơ bao gồm: Tờ trình kèm theo danh sách đề nghị công nhận hoặc đề nghị khen thưởng và Biên bản họp của Hội đồng đơn vị; báo cáo thành tích của cá nhân, tập thể (Mẫu 01, 02 Nghị định 39/2012/NĐ-CP); các cá nhân có đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến áp dụng công nghệ mới thì phải kê khai rõ trong Báo cáo thành tích mã số đề tài nghiên cứu khoa học và bản xác nhận sáng kiến, đề tài (Mẫu số 07 ban hành kèm theo Thông tư).

b) Đối với danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp Bộ”, hồ sơ bao gồm: Tờ trình của đơn vị kèm theo danh sách đề nghị công nhận danh hiệu thi đua và Biên bản họp của Hội đồng đơn vị; Báo cáo thành tích của cá nhân (Mẫu số 02 Nghị định 39/2012/NĐ-CP); Xác nhận đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ (Mẫu số 07 ban hành kèm theo Thông tư), sáng kiến cải tiến áp dụng công nghệ mới hoặc giấy chứng nhận giải nhất, giải nhì, giải ba của Hội giảng giáo viên dạy nghề giỏi hoặc Hội thi thiết bị dạy nghề tự làm cấp Bộ hoặc cấp tỉnh.

c) Đối với việc xét tặng Kỷ niệm chương hồ sơ bao gồm: Tờ trình và biên bản họp Hội đồng đơn vị xét đề nghị xét tặng (Mẫu số 03 ban hành kèm theo Thông tư); danh sách trích ngang (Mẫu số 06 ban hành kèm theo Thông tư); bản tóm tắt quá trình công tác có xác nhận của thủ trưởng đơn vị trực tiếp (Mẫu số 04 ban hành kèm theo Thông tư).

3. Đối với khen thưởng đột xuất

a) Tờ trình của đơn vị kèm theo danh sách đề nghị khen thưởng và Biên bản họp Hội đồng đơn vị;

b) Bản tóm tắt thành tích của cá nhân, tập thể (Mẫu số 06 Nghị định 39/2012/NĐ-CP).

4. Đối với khen thưởng theo chuyên đề, lĩnh vực

a) Tờ trình của đơn vị kèm theo danh sách đề nghị khen thưởng và Biên bản họp Hội đồng đơn vị;

b) Báo cáo thành tích của cá nhân, tập thể (Mẫu số 07 hoặc 08 Nghị định 39/2012/NĐ-CP);

5. Đối với đối tượng là cá nhân đã nghỉ hưu thuộc diện xét khen thưởng quá trình cống hiến theo Nghị định 42/2010/NĐ-CP hoặc tặng Kỷ niệm chương theo quy định tại mục 3 điểm a khoản 1 Điều 24 của Thông tư này, thủ trưởng đơn vị cá nhân đó công tác trước khi nghỉ hưu lập hồ sơ gửi về Hội đồng Bộ theo quy định.

6. Thời gian gửi Hồ sơ xét tặng các danh hiệu thi đua và khen thưởng.

a) Các danh hiệu: “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”, “Chiến sĩ thi đua cấp Bộ”, “Cờ thi đua của Chính phủ”, “Cờ thi đua của Bộ”, “Tập thể lao động xuất sắc”; các hình thức khen thưởng: Huân chương các loại, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen Bộ gửi về Hội đồng Bộ trước ngày 10/12 hàng năm;

b) Đối với việc khen thưởng thường xuyên, đột xuất, các hình thức khen thưởng cấp nhà nước và cấp Bộ khi đủ điều kiện tiêu chuẩn theo quy định, thủ trưởng đơn vị có trách nhiệm lập hồ sơ gửi về Hội đồng Bộ để xét, trình cấp có thẩm quyền xem xét quyết định.

Điều 28. Trình tự bình xét các danh hiệu thi đua, đề nghị các hình thức khen thưởng

Việc bình xét thi đua, khen thưởng tại cấp cơ sở được tiến hành cùng với việc kiểm điểm, đánh giá công tác năm. Danh hiệu thi đua của cá nhân và tập thể đề xuất, phải phù hợp với danh hiệu đã đăng ký từ đầu năm và tiến hành theo các bước, cụ thể như sau:

1. Đối với cá nhân: Mỗi cá nhân trong đơn vị phải tự chấm điểm theo thang điểm cụ thể quy định tại mẫu số 14 ban hành kèm theo Thông tư, căn cứ vào thành tích trong năm tự đề xuất danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng phù hợp.

Căn cứ vào kết quả tự đánh giá của cá nhân, đơn vị xem xét, thống nhất cách đánh giá và trình cấp có thẩm quyền tặng các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng.

2. Đối với tập thể: Thủ trưởng đơn vị có trách nhiệm lập báo cáo tổng kết công tác, bảng tổng hợp các chỉ tiêu, nhiệm vụ chính (Mẫu số 08, 12 ban hành kèm Thông tư) chấm điểm theo thang điểm quy định tại mẫu số 09, 10, 11, 13 ban hành kèm theo Thông tư và đề xuất danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng phù hợp với đơn vị. Đơn vị họp, xem xét, thống nhất cách đánh giá và trình cấp có thẩm quyền tặng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng của đơn vị.

3. Thủ trưởng các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ, Giám đốc các Sở Lao động - Thương binh và Xã hội theo thẩm quyền công nhận và đề nghị cấp có thẩm quyền xét tặng các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng.

Riêng Cờ thi đua theo lĩnh vực an toàn, vệ sinh lao động và dạy nghề (khoản 2, khoản 3 Điều 14 của Thông tư) chỉ xét tặng vào dịp tổ chức tháng hành động quốc gia hoặc khi kết thúc năm học.

4. Đối với các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng: Thường trực Hội đồng các cấp có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, đối chiếu thành tích với quy định của Luật Thi đua, Khen thưởng và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan và hướng dẫn tại Thông tư này trình Hội đồng Bộ xét, trình Bộ trưởng xem xét quyết định.

5. Đối với hình thức khen thưởng cấp nhà nước, Thường trực Hội đồng Bộ thẩm định hồ sơ trình Bộ trưởng xét, trình cấp có thẩm quyền xem xét quyết định.

6. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Thường trực Hội đồng Bộ và các đơn vị thẩm định hồ sơ khen thưởng và trình cấp có thẩm quyền xem xét quyết định.

7. Việc thông báo kết quả khen thưởng thực hiện theo quy định tại Điều 22, Điều 23 Thông tư 07/2014/TT-BNV.

Điều 29. Lễ trao tặng

1. Nghi thức trao tặng danh hiệu vinh dự và khen thưởng cấp nhà nước thực hiện theo quy định tại Nghị định 145/2013/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định về tổ chức ngày kỷ niệm, nghi thức trao tặng, đón nhận hình thức khen thưởng, danh hiệu thi đua; Chỉ thị 45-CT/TW ngày 22 tháng 7 năm 2010 của Bộ Chính trị về đổi mới, nâng cao hiệu quả tổ chức các ngày kỷ niệm, nghi thức trao tặng, đón nhận danh hiệu vinh dự nhà nước và các hình thức khen cao.

2. Trình tự tiến hành lễ trao tặng

a) Đối với danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch nước: Sau khi nhận được quyết định khen thưởng, thủ trưởng đơn vị dự kiến lễ tổ chức đón nhận, trình Bộ trưởng (qua Thường trực Hội đồng Bộ), sau khi có ý kiến của Bộ trưởng, Thường trực Hội đồng Bộ phối hợp tổ chức công bố, trao tặng;

b) Đối với danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ: Sau khi nhận được quyết định khen thưởng, thủ trưởng đơn vị chủ động lập kế hoạch tổ chức công bố, trao tặng cho cá nhân, tập thể thuộc đơn vị được khen thưởng;

c) Đối với danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng: Ủy quyền cho thủ trưởng các đơn vị tổ chức công bố, trao tặng cho cá nhân, tập thể thuộc đơn vị.

Chương V
HỘI ĐỒNG SÁNG KIẾN, HỘI ĐỒNG KHOA HỌC
VÀ HỘI ĐỒNG THI ĐUA - KHEN THƯỞNG CÁC CẤP

Điều 30. Hội đồng sáng kiến, Hội đồng khoa học các cấp

Hội đồng sáng kiến, Hội đồng khoa học thực hiện theo quy định khoản 2, khoản 3 Điều 4 Nghị định 65/2014/NĐ-CP. Ngoài ra, thành phần hội đồng còn có đại diện của tổ chức công đoàn nơi tác giả là công đoàn viên.

Điều 31. Hội đồng Thi đua khen thưởng các cấp

1. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp Bộ

Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quyết định thành lập Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Lao động - Thương binh và Xã hội và Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ.

a) Thành phần của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Ngành gồm có: Chủ tịch Hội đồng - Lãnh đạo Bộ phụ trách công tác Thi đua, khen thưởng; Thường trực Hội đồng - Chánh Văn phòng Bộ; một số ủy viên là thủ trưởng các đơn vị quản lý nhà nước thuộc Bộ. Giúp việc cho Hội đồng có Thư ký và một số chuyên viên làm công tác thi đua, khen thưởng;

b) Thành phần Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ gồm có: Chủ tịch Hội đồng - Lãnh đạo Bộ phụ trách công tác thi đua, khen thưởng; Ủy viên Thường trực Hội đồng - Chánh Văn phòng Bộ; đại diện Đảng ủy cơ quan Bộ; Chủ tịch Ban chấp hành Công đoàn cơ quan Bộ; Bí thư Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh cơ quan Bộ, một số ủy viên là thủ trưởng các đơn vị quản lý nhà nước thuộc Bộ. Giúp việc cho Hội đồng có Thư ký và một số chuyên viên làm công tác thi đua, khen thưởng.

2. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng đơn vị

Thủ trưởng các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ, Giám đốc các Sở Lao động - Thương binh và Xã hội quyết định thành lập Hội đồng Thi đua - Khen thưởng đơn vị.

Thành phần Hội đồng Thi đua - Khen thưởng đơn vị gồm có: Chủ tịch Hội đồng - Thủ trưởng đơn vị; Phó Chủ tịch Hội đồng - Chủ tịch Công đoàn đơn vị; Ủy viên Thường trực, Thư ký Hội đồng - Trưởng bộ phận hoặc Trưởng hoặc phó Trưởng phòng được giao phụ trách công tác thi đua, khen thưởng của đơn vị; Đại diện cấp ủy Đảng, đoàn thanh niên, chính quyền và các ủy viên khác do thủ trưởng đơn vị quyết định, số lượng thành viên của hội đồng phải là số lẻ.

Điều 32. Nguyên tắc làm việc, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cấp

1. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cấp làm việc theo chế độ tập thể, đảm bảo nguyên tắc tập trung, dân chủ và quyết định theo đa số. Trường hợp ý kiến thành viên hội đồng ngang nhau thì lấy ý kiến của Chủ tịch Hội đồng.

2. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cấp có nhiệm vụ, quyền hạn sau:

a) Tham mưu cho thủ trưởng đơn vị phát động các phong trào thi đua;

b) Định kỳ đánh giá kết quả các phong trào thi đua và công tác khen thưởng; tham mưu việc sơ kết, tổng kết công tác thi đua, khen thưởng; kiến nghị, đề xuất các chủ trương, biện pháp đẩy mạnh phong trào thi đua, yêu nước trong từng năm và từng giai đoạn;

c) Tham mưu cho thủ trưởng đơn vị kiểm tra, giám sát các phong trào thi đua, thực hiện các chủ trương, chính sách pháp luật về thi đua, khen thưởng;

d) Tham mưu cho thủ trưởng đơn vị ra quyết định tặng các danh hiệu và khen thưởng theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền xem xét tặng thưởng.

Điều 33. Tổ chức nhân sự làm công tác thi đua, khen thưởng

1. Thường trực Hội đồng Bộ có chức năng tham mưu giúp Bộ trưởng thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác thi đua, khen thưởng của Ngành, định kỳ kiểm tra việc thực hiện các quy định về chế độ chính sách khen thưởng theo Luật Thi đua, Khen thưởng.

2. Đối với khối Cơ quan Bộ (các Vụ, Văn phòng Bộ), Thanh tra Bộ, các Cục, Tổng Cục, Viện, đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ, thuộc và trực thuộc Tổng cục, Cục tùy theo yêu cầu cụ thể có thể bố trí một cán bộ chuyên trách hoặc kiêm nhiệm làm công tác thi đua, khen thưởng.

3. Tại các Sở Lao động-Thương binh và Xã hội tùy theo yêu cầu cụ thể bố trí một cán bộ chuyên trách hoặc kiêm nhiệm làm công tác thi đua, khen thưởng.

Chương VI

QUỸ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG

Điều 34. Nguồn và mức trích quỹ thi đua khen thưởng

1. Quỹ thi đua khen thưởng của ngành Lao động - Thương binh và Xã hội phục vụ công tác thi đua, khen thưởng gồm: Quỹ thi đua, khen thưởng của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và quỹ thi đua, khen thưởng của các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ.

2. Hàng năm, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính có trách nhiệm tham mưu để Bộ bố trí nguồn chi phục vụ cho công tác thi đua, khen thưởng của Ngành theo quy định tại khoản 1 Điều 67 Nghị định 42/2010/NĐ-CP; Thông tư số 71/2011/TT-BTC ngày 24 tháng 5 năm 2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc trích lập, quản lý và sử dụng quỹ thi đua, khen thưởng.

3. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội khuyến khích cá nhân, tập thể trong và ngoài Ngành hỗ trợ, đóng góp để bổ sung quỹ thi đua, khen thưởng của Bộ, quỹ thi đua, khen thưởng của các đơn vị.

Điều 35. Quản lý và sử dụng quỹ thi đua, khen thưởng

1. Quỹ khen thưởng của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

a) Văn phòng Bộ có trách nhiệm tổ chức thực hiện và quản lý, sử dụng quỹ thi đua, khen thưởng của Bộ để phục vụ cho công tác thi đua, khen thưởng. Cuối năm quỹ thi đua, khen thưởng còn dư chưa sử dụng hết được chuyển sang để tiếp tục sử dụng cho công tác thi đua, khen thưởng năm sau;

b) Quỹ thi đua, khen thưởng của Bộ do Văn phòng Bộ quản lý và được sử dụng cho các nội dung sau:

Chi tiền thưởng hoặc mua tặng phẩm bằng hiện vật cho cá nhân, tập thể được khen thưởng theo nguyên tắc quy định tại Điều 29 của Thông tư này;

Chi làm hộp và cuống đeo Kỷ niệm chương; chi thuê Cờ thi đua Bộ; chi in phôi Bằng khen, phôi Kỷ niệm chương cho Ngành; chi in các loại giấy chứng nhận: Chiến sĩ thi đua cấp Bộ, Tập thể lao động xuất sắc cho Bộ; chi in giấy chứng nhận danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, khung Bằng khen, khung Kỷ niệm chương cho các cá nhân, tập thể thuộc Khối cơ quan Bộ (các Vụ và Văn phòng Bộ). Các chi phí khác phục vụ cho công tác thi đua, khen thưởng do Bộ trưởng quyết định.

2. Quỹ thi đua, khen thưởng của đơn vị

Do các đơn vị quản lý và sử dụng theo quy định tại Nghị định 42/2010/NĐ-CP, Thông tư 71/2011/TT-BTC ngày 24 tháng 5 năm 2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn công tác quản lý tài chính, thực hiện chế độ thi đua, khen thưởng và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Điều 36. Nguyên tắc chi thưởng

1. Trách nhiệm chi thưởng

a) Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chịu trách nhiệm chi tiền thưởng đối với các danh hiệu vinh dự nhà nước, các hình thức khen thưởng cấp nhà nước và các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng của Bộ trưởng đối với những cá nhân và tập thể thuộc Khối Cơ quan Bộ (các Vụ, Văn phòng Bộ);

b) Các đơn vị có con dấu và tài khoản riêng chịu trách nhiệm chi tiền thưởng cho cá nhân, tập thể của đơn vị mình được thủ trưởng đơn vị, Bộ trưởng, Thủ tướng Chính phủ, Chính phủ, Chủ tịch nước ra quyết định tặng thưởng.

2. Mức tiền thưởng cụ thể kèm theo các danh hiệu thi đua, các hình thức khen thưởng thực hiện theo quy định tại các Điều 70, 71, 72, 73, 74, 75 và 76 Nghị định 42/2010/NĐ-CP và các văn bản pháp luật có liên quan.

3. Về tiền thưởng kèm theo danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 24 Thông tư 07/2014/TT-BNV.

4. Đối với khen thưởng theo chuyên đề hoặc lĩnh vực: Khen thưởng tổng kết chuyên đề, lĩnh vực nào thì thủ trưởng phụ trách lĩnh vực đó chủ động trình cấp có thẩm quyền nguồn kinh phí khen thưởng; mức chi tiền thưởng theo quy định của Luật Thi đua, Khen thưởng, Nghị định 42/2010/NĐ-CP và các văn bản pháp luật có liên quan.

Chương VII

LƯU TRỮ HỒ SƠ, LẬP BÁO CÁO, KIỂM TRA, XỬ LÝ VI PHẠM VÀ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO VỀ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG

Điều 37. Lưu trữ hồ sơ thi đua, khen thưởng

Việc lưu trữ hồ sơ khen thưởng thực hiện theo quy định tại Điều 23 Thông tư 07/2014/TT-BNV và các văn bản khác của nhà nước quy định của pháp luật về lưu trữ.

Điều 38. Báo cáo công tác thi đua, khen thưởng

1. Định kỳ hàng năm, các đơn vị tổng kết, đánh giá công tác thi đua, khen thưởng và gửi báo cáo về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (qua Thường trực Hội đồng Bộ) trước ngày 10 tháng 12.

2. Khi phát động thi đua và sau mỗi đợt thi đua, các đơn vị có trách nhiệm tổ chức sơ kết, tổng kết và gửi báo cáo về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (qua Thường trực Hội đồng Bộ).

Điều 39. Kiểm tra công tác thi đua, khen thưởng

1. Thường trực Hội đồng Bộ có trách nhiệm kiểm tra công tác thi đua, khen thưởng tại các đơn vị trong phạm vi lĩnh vực của Ngành trước, trong và sau khi xét khen thưởng.

2. Thủ trưởng đơn vị, Giám đốc các Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm tổ chức kiểm tra công tác thi đua, khen thưởng tại đơn vị mình; giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị về thi đua, khen thưởng theo quy định của Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo; trình cấp có thẩm quyền khen thưởng các tập thể và cá nhân thuộc đơn vị mình; hoặc đề nghị các cấp có thẩm quyền thu hồi quyết định khen thưởng đối với các trường hợp phát hiện có gian dối trong việc kê khai thành tích để được khen thưởng.

Điều 40. Xử lý vi phạm, giải quyết khiếu nại tố cáo

1. Việc xử lý vi phạm, giải quyết khiếu nại, tố cáo thực hiện theo quy định tại Điều 96, 97, 98 Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2003; Điều 82, 83 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

2. Trình tự, thủ tục, thời hạn, hồ sơ giải quyết khiếu nại, tố cáo về thi đua, khen thưởng thực hiện theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

Điều 41. Huỷ quyết định, thu hồi tiền và hiện vật khen thưởng

Thủ tục hủy bỏ quyết định khen thưởng, tước danh hiệu vinh dự của nhà nước và thu hồi tiền, hiện vật khen thưởng thực hiện theo quy định tại Điều 25, Điều 26 Thông tư 07/2014/TT-BNV.

Chương VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 42. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực từ ngày 11 tháng 12 năm 2014 và thay thế Thông tư số 35/2011/TT-BLĐTBXH ngày 28 tháng 11 năm 2011 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn công tác Thi đua, Khen thưởng ngành Lao động - Thương binh và Xã hội.

Điều 43. Trách nhiệm thi hành

1. Chủ tịch Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ, Chánh Văn phòng Bộ (Thường trực Hội đồng Bộ), thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ, Giám đốc các Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Thông tư này; cụ thể hóa các tiêu chuẩn, tiêu chí thi đua cho phù hợp với tình hình hoạt động của cơ quan, đơn vị; xây dựng các chỉ

tiêu thi đua cụ thể, khuyến khích lượng hoá các chỉ tiêu thành các thang bậc để xét khen thưởng chính xác, công bằng khách quan; tổ chức kiểm tra công tác thi đua, khen thưởng tại đơn vị mình.

2. Các tổ chức đoàn thể ở các cơ quan, đơn vị cần phối hợp chặt chẽ với thủ trưởng đơn vị cùng cấp phát động, vận động thành viên của tổ chức mình hưởng ứng phong trào thi đua, tổ chức phong trào thi đua và đảm bảo cho phong trào thi đua đạt hiệu quả cao.

3. Các cơ quan báo chí, truyền thông của Ngành có trách nhiệm thường xuyên tuyên truyền về công tác thi đua, khen thưởng: Phổ biến, nêu gương các điển hình tiên tiến, gương người tốt, việc tốt; phát hiện các cá nhân, tập thể xuất sắc trong phong trào thi đua; đấu tranh phê phán các hành vi vi phạm các quy định về thi đua, khen thưởng.

Trong quá trình thực hiện nếu có phát sinh, vướng mắc, đề nghị các đơn vị, địa phương phản ánh về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để nghiên cứu, bổ sung, hoàn chỉnh./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương Đảng và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội, Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Sở LĐTBXH các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ LĐTBXH;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Ban Thi đua - Khen thưởng TW (Bộ Nội vụ);
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ, công báo;
- Cổng thông tin điện tử Bộ LĐTBXH;
- Lưu: VT, TT-TĐ (10 bản).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Trọng Đàm

Phụ lục
MỘT SỐ MẪU VĂN BẢN ÁP DỤNG TRONG
HỒ SƠ, THỦ TỤC KHEN THƯỞNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 30 /2014/TT-BLĐTBXH
ngày 24 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

<i>Nội dung</i>		<i>Trang</i>
Mẫu số 01	Hướng dẫn đăng ký giao ước thi đua hàng năm (Dùng cho các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ)	<i>i</i>
Mẫu số 02	Hướng dẫn đăng ký giao ước thi đua theo chuyên đề (Dùng cho Sở Lao động-Thương binh và Xã hội các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương)	<i>iii</i>
Mẫu số 03	Tờ trình về việc xét tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Lao động - Thương binh và Xã hội”	<i>v</i>
Mẫu số 04	Tóm tắt thành tích đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Lao động - Thương binh và Xã hội” cho cá nhân là người Việt Nam	<i>vi</i>
Mẫu số 05	Tóm tắt thành tích đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Lao động - Thương binh và Xã hội” cho cá nhân là người nước ngoài	<i>vii</i>
Mẫu số 06	Danh sách trích ngang tóm tắt thành tích đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Lao động-Thương binh và Xã hội”	<i>viii</i>
Mẫu số 07	Mẫu xác nhận sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học đối với các nhân đề nghị tặng các danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở, Chiến sĩ thi đua cấp Bộ và Chiến sĩ thi đua toàn quốc	<i>ix</i>
Mẫu số 08	Bảng tổng hợp các chỉ tiêu, nhiệm vụ chính năm... (Dùng cho các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ)	<i>x</i>
Mẫu số 09	Mẫu chấm điểm thi đua tổng kết công tác cho các đơn vị quản lý nhà nước	<i>xi</i>
Mẫu số 10	Mẫu chấm điểm thi đua tổng kết công tác Khối các đơn vị sự nghiệp thuộc Bộ	<i>xiii</i>
Mẫu số 11	Mẫu chấm điểm thi đua tổng kết công tác Khối các trường đại học, cao đẳng thuộc Bộ	<i>xv</i>
Mẫu số 12	Bảng tổng hợp các chỉ tiêu, nhiệm vụ năm... (Dùng cho Sở LĐTBXH các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương)	<i>xvii</i>
Mẫu số 13	Mẫu chấm điểm thi đua tổng kết năm (Dùng cho các Sở LĐTBXH tỉnh thành phố trực thuộc trung ương)	<i>xviii</i>
Mẫu số 14	Biểu chấm điểm thi đua đối với cá nhân Ngành Lao động - Thương binh và Xã hội	<i>xx</i>

Mẫu số 01: Hướng dẫn đăng ký giao ước thi đua hàng năm (Dùng cho các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ)

ĐƠN VỊ CẤP TRÊN
ĐƠN VỊ ĐĂNG KÝ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tỉnh (thành phố), ngày tháng năm

BẢNG ĐĂNG KÝ GIAO ƯỚC THI ĐUA NĂM 20...

Kính gửi : Hội đồng Thi đua - Khen thưởng
Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ và các chỉ tiêu Bộ giao năm 20..., đơn vị đăng ký giao ước thi đua năm 20... với các phong trào, các chỉ tiêu thi đua sau:

I. CÁC PHONG TRÀO THI ĐUA:

STT	Tên phong trào thi đua	Mục tiêu	Thời gian phát động	Thời gian tổng kết
1.	Phát động phong trào thi đua phấn đấu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chính trị được giao			
2.	Xây dựng đơn vị đạt “Cơ quan Văn hoá” (Công sở văn minh - Sạch đẹp - An toàn) năm 20....			
3.	Tích cực tham gia các hoạt động phong trào văn thể của cơ quan tổ chức chính quyền, đoàn thể cấp trên và địa phương phát động nhân kỷ niệm các ngày lễ lớn trong năm. <i>(Nêu các phong trào cụ thể).</i>			

II. CÁC CHỈ TIÊU ĐĂNG KÝ THI ĐUA:

Nội dung các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 20...	Ghi chú
1. Chỉ tiêu thứ nhất: Hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch và nhiệm vụ chính trị năm 20...: (Cụ thể hoá các chỉ tiêu theo lĩnh vực nhiệm vụ công tác được giao) 1)..... 2)..... 3).....			

<p>2. Chỉ tiêu thứ hai : Xây dựng tập thể đơn vị:</p> <p>a) Xây dựng tập thể đoàn kết thống nhất.....</p> <p>b) Chấp hành chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; thực hiện quy chế dân chủ; cải cách thủ tục hành chính; thực hành tiết kiệm chống tham nhũng lãng phí; không có vụ việc tiêu cực.....(Cụ thể hoá...).....</p> <p>c) Xây dựng các tổ chức Đảng trong sạch vững mạnh, các Đoàn thể vững mạnh xuất sắc...(Cụ thể hoá...)</p>			
<p>3. Chỉ tiêu thứ ba: Các danh hiệu thi đua:</p> <p>a) Đối với tập thể đơn vị: Danh hiệu thi đua: Hình thức khen thưởng: ...</p> <p>b) Tập thể nhỏ: Tổng số lượng tập thể nhỏ (theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền): Tập thể lao động xuất sắc: Tập thể lao động tiên tiến: Bằng khen Bộ: Bằng khen Thủ tướng Chính phủ:</p> <p>c) Cá nhân: Tổng số cán bộ, công chức, viên chức, người lao động: Lao động tiên tiến: Chiến sĩ thi đua cơ sở: Chiến sĩ thi đua cấp Bộ: (Ghi rõ họ tên, tên đề tài đăng ký) Bằng khen Bộ: Bằng khen của Thủ tướng: Huân chương các loại:</p>			

Chủ tịch Công đoàn cơ sở
(Ký tên, đóng dấu)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 02: Hướng dẫn đăng ký giao ước thi đua theo chuyên đề (Dùng cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương)

ĐƠN VỊ CẤP TRÊN
ĐƠN VỊ ĐĂNG KÝ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tỉnh (thành phố), ngày tháng năm

BẢNG ĐĂNG KÝ GIAO ƯỚC THI ĐUA NĂM 20...

Kính gửi : Hội đồng Thi đua -Khen thưởng
Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ và các chỉ tiêu Bộ giao năm 20..., Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.....đăng ký giao ước thi đua theo chuyên đề (tên chuyên đề cụ thể) năm 20... với các phong trào và các chỉ tiêu thi đua sau:

I. CÁC PHONG TRÀO THI ĐUA:

TT	Tên phong trào thi đua	Mục tiêu	Thời gian phát động	Thời gian tổng kết
1.	Phát động phong trào thi đua phấn đấu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chính trị được giao			
2.	Xây dựng đơn vị đạt “Cơ quan Văn hoá” (Công sở văn minh Sạch đẹp - An toàn) năm 20..			
3.	Tích cực tham gia các hoạt động phong trào văn thể của cơ quan tổ chức chính quyền, đoàn thể cấp trên và địa phương phát động nhân kỷ niệm các ngày lễ lớn trong năm. (Nêu các phong trào cụ thể).			

II. CÁC CHỈ TIÊU ĐĂNG KÝ THI ĐUA:

Nội dung các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch	Ghi chú
1. Chỉ tiêu thứ nhất: Hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch và nhiệm vụ chính trị năm 20...: (Cụ thể hoá các chỉ tiêu chính theo lĩnh vực nhiệm vụ công tác được giao) 1) Lao động - Việc làm: * Giải quyết - Việc làm: Trong đó: - Xuất khẩu lao động: - Quỹ quốc gia giải quyết Việc làm: - Tỷ lệ thất nghiệp thành thị: - Tỷ lệ lao động thiếu việc làm:			

<p>* Đào tạo nghề:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ lao động chưa qua đào tạo: - Tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề: <p>2) <i>Bảo trợ xã hội, Xoá đói giảm nghèo:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Giảm tỷ lệ hộ nghèo: - Phối hợp với các ngành, các cấp vận động xây dựng nhà tình thương <p>3) <i>Chính sách Người có công:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Phối hợp với các ngành, các cấp vận động xây dựng nhà tình nghĩa: - Vận động quỹ Đền ơn đáp nghĩa: <p>4) <i>Phòng chống tệ nạn xã hội:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Cai nghiện phục hồi (Giáo dục, chữa trị phục hồi, dạy nghề và tạo việc làm sau cai...) <p>5) Các hoạt động khác:...</p> <p>6)</p>			
<p>2. Chỉ tiêu thứ hai : Xây dựng tập thể đơn vị:</p> <p>a) Xây dựng tập thể đoàn kết thống nhất.....</p> <p>b) Chấp hành chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước: thực hiện quy chế dân chủ; cải cách thủ tục hành chính; thực hành tiết kiệm chống tham nhũng lãng phí; không có vụ việc tiêu cực.....(Cụ thể hoá...)</p> <p>c) Xây dựng các tổ chức Đảng trong sạch vững mạnh, các Đoàn thể vững mạnh xuất sắc...(Cụ thể hoá ...)</p>			
<p>3. Chỉ tiêu thứ ba: Các danh hiệu thi đua:</p> <p>a) Đối với tập thể đơn vị:</p> <p>Danh hiệu thi đua: ...</p> <p>Hình thức khen thưởng: ...</p> <p>b) Tập thể nhỏ: Số lượng tập thể nhỏ:</p> <p>Tập thể lao động xuất sắc:</p> <p>Tập thể lao động tiên tiến:</p> <p>Bảng khen cấp Bộ, ngành, tỉnh:</p> <p>Khen thưởng cấp nhà nước:</p> <p>c) Cá nhân: Tổng số CB, CC, VC, NLD:</p> <p>Lao động tiên tiến:</p> <p>Chiến sĩ thi đua cơ sở:</p> <p>Bảng khen cấp Bộ, ngành, tỉnh:</p> <p>Khen thưởng cấp nhà nước:</p>			

Chủ tịch Công đoàn cơ sở
(Ký tên, đóng dấu)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 03: Tờ trình về việc xét tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Lao động - Thương binh và Xã hội”.

ĐƠN VỊ CẤP TRÊN

ĐƠN VỊ ĐỀ NGHỊ

Số:...../TTr-.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tỉnh (thành phố), ngày tháng năm

TỜ TRÌNH

Về việc xét tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Lao động - Thương binh và Xã hội”

Kính gửi : Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

Căn cứ Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2003 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2005, năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010; Nghị định số 39/2012/NĐ-CP ngày 27/4/2012 và Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01/7/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thi đua, Khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Căn cứ vào Thông tư số/2014/TT-BLĐTBXH ngày tháng ... năm 2014 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về công tác Thi đua, Khen thưởng ngành Lao động - Thương binh và Xã hội

Căn cứ Quyết định số:/QĐ- ngày.... tháng.... nămcủa quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của

Xét thành tích và đối chiếu với tiêu chuẩn đã quy định, đơn vị.....đề nghị Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội xét tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Lao động - Thương binh và Xã hội” cho cá nhân (có biên bản họp Hội đồng Thi đua - Khen thưởng đơn vị, danh sách trích ngang, bản tóm tắt thành tích cá nhân kèm theo). Trong đó:

1. Cá nhân trong ngành Lao động - Thương binh và Xã hội:..... người

- Cán bộ, công chức, viên chức, NLĐ đang công tác:..... người

- Cán bộ, công chức, viên chức, NLĐ đã nghỉ hưu:..... người

2. Cá nhân ngoài ngành Lao động - Thương binh và Xã hội:..... người.

Đơn vị trình Bộ trưởng xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu....

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: *Thể thức văn bản trình bày theo quy định tại Thông tư 01/2011/TT-BNV ngày 19/1/2011 của Bộ Nội vụ về hướng dẫn thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính.*

Mẫu số 04: Tóm tắt thành tích đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Lao động - Thương binh và Xã hội” cho cá nhân là người Việt Nam

ĐƠN VỊ CẤP TRÊN
ĐƠN VỊ ĐỀ NGHỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Tỉnh (thành phố), ngày tháng năm

**BẢN TÓM TẮT QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC VÀ THÀNH TÍCH
ĐỀ NGHỊ XÉT TẶNG KỶ NIỆM CHƯƠNG
“VÌ SỰ NGHIỆP LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI”**

I. SƠ LƯỢC LÝ LỊCH

Họ và tên:

Ngày tháng năm sinh:.....Nam, Nữ.....

Nơi ở hiện nay:.....

Chức vụ và nơi công tác (hiện nay và trước khi nghỉ hưu):.....

Ngày bắt đầu công tác (theo quyết định hoặc hợp đồng):.....

Số năm công tác trong ngành:

II. TÓM TẮT QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

Thời gian (Từ nămđến... năm)	Chức vụ - Đơn vị công tác

III. CÁC HÌNH THỨC ĐÃ ĐƯỢC KHEN THƯỞNG

1. Danh hiệu thi đua (Ghi rõ số ký hiệu, ngày tháng năm, cơ quan ban hành quyết định).

2. Hình thức khen thưởng (Ghi rõ số ký hiệu, ngày tháng năm, cơ quan ban hành quyết định).

IV. KÝ LUẬT

Xác nhận của thủ trưởng đơn vị quản lý trực tiếp
(ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Người khai ký tên
(ghi rõ họ tên)

Mẫu số 05: Tóm tắt thành tích đề nghị xét tặng Bằng khen, Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Lao động - Thương binh và Xã hội” cho cá nhân là người nước ngoài

BẢN TÓM TẮT QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC ĐỀ NGHỊ KHEN THƯỞNG (1)

I. Thông tin cá nhân

Họ tên (chữ in hoa):

Sinh ngàythángnăm Giới tính: Nam Nữ

Quốc tịch gốc: Quốc tịch hiện nay:

Hộ chiếu số: có giá trị đến ngày/...../.....

Chức vụ - Nghề nghiệp:

Ngày nhập cảnh Việt Nam từ ngày/ .. /..... đến ngày/...../.....

Mục đích nhập cảnh:

Nơi làm việc (Tên cơ quan/tổ chức).....

Địa chỉ tạm trú ở Việt Nam:

Điện thoại liên hệ: Email:

II. Quá trình công tác - Thành tích đạt được (2)

- Thời gian công tác trước khi sang Việt Nam liên quan đến việc tham gia các chương trình dự án có liên quan đến công tác lao động, người có công và xã hội ở Việt Nam.

- Thời gian từ ngày.... /..... /..... đến ngày //.....: chức vụ, nơi công tác, nêu tóm tắt các chương trình, dự án mà cá nhân đã tham gia, những đóng góp của cá nhân đối với sự nghiệp Lao động - Thương binh và Xã hội nói riêng và công cuộc xây dựng và bảo vệ tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa nói chung.

III. Các hình thức đã được khen thưởng (3)

Xác nhận của thủ trưởng đơn vị đề nghị trình khen
(ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Người khai ký tên
(ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- (1): Ghi hình thức đề nghị khen thưởng. Chỉ áp dụng các hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng (Bằng khen, Kỷ niệm chương).

- (2): Nêu rõ các mốc thời gian chính trong quá trình công tác của bản thân.

- (3): Nêu các hình thức khen thưởng (từ Bằng khen, danh hiệu thi đua) đã được Đảng, Nhà nước, Bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tặng thưởng hoặc phong tặng (ghi rõ số quyết định, ngày, tháng năm ký quyết định).

Mẫu số 06: Danh sách trích ngang tóm tắt thành tích đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Lao động - Thương binh và Xã hội”

ĐƠN VỊ CẤP TRÊN
ĐƠN VỊ ĐỀ NGHỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tỉnh (thành phố), ngày tháng năm

**DANH SÁCH TRÍCH NGANG CÁC CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ TẶNG
KỶ NIỆM CHƯƠNG “VÌ SỰ NGHIỆP LAO ĐỘNG
- THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI”**

(Kèm theo Tờ trình số..... /TTr - ... ngày tháng năm ... của.....)

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ - Đơn vị công tác	Thời gian công tác		Tóm tắt thành tích đóng góp, đặc biệt đối với các cá nhân ngoài ngành
		Nam	Nữ		Ngày bắt đầu công tác	Số năm công tác trong ngành LĐTH&XH	

Người lập biểu
(Ký, ghi họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 07:

**BẢN XÁC NHẬN SÁNG KIẾN QUẢN LÝ, ĐỀ TÀI KHOA HỌC
CỦA CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN DANH HIỆU.....
NĂM 20...**

*(Mẫu xác nhận sáng kiến quản lý, đề tài nghiên cứu khoa học của CSTĐ từ cấp
cơ sở trở lên dùng cho các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ)*

Họ và tên :

Đơn vị công tác

Tên sáng kiến quản lý, đề tài nghiên cứu khoa học :

.....
.....
.....

Hiệu quả, tác dụng của sáng kiến quản lý, đề tài nghiên cứu :

.....
.....
.....
.....
.....

Đánh giá của Hội đồng TĐ-KT cơ sở (hoặc Hội đồng Khoa học cơ sở) :

.....
.....
.....
.....

Người báo cáo
(Ký, ghi họ tên)

XN của Hội đồng TĐ-KT cơ sở (hoặc HĐKH cơ sở)
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 08: Bảng tổng hợp các chỉ tiêu, nhiệm vụ chính năm 20... (Dùng cho các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ)

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Đơn vị:.....

BẢNG TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU, NHIỆM VỤ CHỦ YẾU NĂM

STT	Các chỉ tiêu, nhiệm vụ chính của Ngành	Ước đến 31/12		Đạt tỷ lệ %	Đơn vị tự đánh giá xếp loại			
		Chỉ tiêu kế hoạch	Kết quả thực hiện		Tốt	Khá	Trung bình	Yếu, kém
I.	Các chỉ tiêu nhiệm vụ của Bộ, ngành giao (Các chỉ tiêu các nhiệm vụ của Bộ, ngành giao đến 30/11 và ước thực hiện đến 31/12)							
1.								
2.								
...							
II.	Các chỉ tiêu nhiệm vụ khác của địa phương giao (nếu có)							
1.								
2.								
...							
III.	Kết quả đánh giá các tổ chức Đảng, đoàn thể khác của đơn vị							
1.								
2.								
....								
IV.	Các hoạt động phong trào thi đua khác (Thống kê các hoạt động chính)							
1.								
2.								

Thủ trưởng đơn vị
(Ký đóng dấu)

Mẫu số 09: Mẫu chấm điểm thi đua tổng kết công tác cho các đơn vị Quản lý Nhà nước

BỘ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH
VÀ XÃ HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Đơn vị.....

BẢNG TỰ CHẤM ĐIỂM THI ĐUA NĂM 2.....

Stt	Nội dung đánh giá	Kết quả đánh giá		
		Điểm tối đa	Điểm tự chấm	Điểm đánh giá của HĐ
1	Thi đua thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị	40		
1.1	Đơn vị chủ động tham mưu, đề xuất và xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ Bộ giao hàng năm.	5		
1.2	Có kế hoạch và biện pháp cụ thể hoàn thành tốt nhiệm vụ kế hoạch Bộ giao theo tiến độ đảm bảo chất lượng hàng tuần, hàng tháng, hàng quý: Quản lý nhà nước, xây dựng văn bản, nghiên cứu khoa học...; Quản lý tốt tài sản công tác vật tư tài chính, của đơn vị.	15		
1.3	Chủ trì và phối hợp tốt với các đơn vị liên quan nhằm thực hiện tốt các nhiệm vụ thường xuyên, đột xuất của Bộ và của đơn vị.	5		
1.4	Thực hiện tốt công tác cải các thủ tục hành chính	5		
1.5	Nộp báo cáo hàng tháng, quý đúng quy định của Bộ, ngành	5		
1.6	Làm tốt công tác đào tạo, bồi dưỡng quy hoạch cán bộ	5		
	<i>Căn cứ vào tỷ lệ % hoàn thành kế hoạch năm để cho điểm tương ứng theo tổng điểm của từng nội dung.</i>			
2	Thi đua thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy chế của Bộ	15		
2.1	Chấp hành các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước quy định, Quy chế dân chủ ở cơ sở (Thực hiện công tác phòng chống tham nhũng, lãng phí, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, cải cách thủ tục hành chính...)	5		
2.2	Tổ chức thực hiện và tổng kết cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”	5		
2.3	Tổ chức quản lý, điều hành và thực hiện tốt các hoạt động của đơn vị theo quy chế, quy định hiện hành của Bộ	5		
	<i>Tập thể hoặc cá nhân bị kỷ luật hình thức khiển trách trừ đi 10 điểm; Tập thể có đơn thư tố cáo (có kết luận của cơ quan có thẩm quyền) trừ 5 điểm.</i>			
3	Thi đua xây dựng cơ quan văn hóa, tập thể đoàn kết, tổ chức Đảng và các đoàn thể trong sạch, vững mạnh	20		
	Nội bộ đoàn kết, chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ công chức,	10		

3.1	viên chức của đơn vị về mọi mặt: tạo điều kiện cho cán bộ, công chức, viên chức tự học, tự bồi dưỡng nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đời sống, vật chất tinh thần...			
3.2	Thường xuyên tổ chức sinh hoạt chuyên môn, nghiệp vụ, trao đổi kinh nghiệm công tác ở đơn vị	3		
3.3	Tổ chức Đảng, đoàn thể đạt danh hiệu trong sạch, vững mạnh	5		
3.4	Tham dự đầy đủ các buổi họp do lãnh đạo Chính quyền và các tổ chức Đảng, đoàn thể cấp trên triệu tập	2		
	<i>Tổ chức Đảng, đoàn thể không đạt danh hiệu trong sạch, vững mạnh trừ 5 điểm, các nội dung khác trừ thêm 1 điểm.</i>			
4	Thực hiện công tác thi đua, khen thưởng	20		
4.1	Tổ chức quán triệt thực hiện tốt Luật Thi đua, Khen thưởng, quy định của Bộ và đơn vị về công tác thi đua - khen thưởng	5		
4.2	Tham gia tốt các hoạt động tập huấn về công tác thi đua, khen thưởng do cấp trên tổ chức	2		
4.3	Có cán bộ giúp việc Hội đồng Thi đua – Khen thưởng đơn vị	2		
4.4	Tổ chức phong trào thi đua theo đợt, định kỳ hàng năm tổ chức ít nhất 02 phong trào thi đua theo chuyên đề.	3		
4.5	Triển khai xây dựng kế hoạch thi đua, đăng ký giao ước thi đua và các danh hiệu thi đua cho tập thể cá nhân.	2		
4.7	Có sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm và nhân rộng điển hình tiên tiến	3		
4.8	Nộp báo cáo thi đua đúng hạn, nội dung chất lượng tốt.	3		
	<i>Đơn vị không tổ chức thực hiện một nội dung nào trong 8 nội dung của công tác thi đua, khen thưởng thì trừ điểm tương ứng với số điểm tối đa</i>			
5	Điểm thưởng	5		
5.1	Có sáng kiến, giải pháp trong công tác và khối lượng công việc hoàn thành tiên rõ rệt so với năm trước (có số liệu chứng minh cụ thể)	2		
5.2	Trong năm tổ chức nhiều hơn 1 đợt thi đua theo chuyên đề	1,5		
5.3	Thực hiện công khai quy chế dân chủ ở đơn vị và xây dựng tập thể vững mạnh	1,5		
	Cộng	100		

Thang điểm đủ tiêu chuẩn đề nghị xét công nhận danh hiệu thi đua

- Tập thể Lao động tiên tiến: từ 70 điểm đến 90 điểm
- Tập thể Lao động xuất sắc: từ 90 điểm đến 100 điểm

Đơn vị tự xếp loại:

....., ngày...tháng...năm...

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Mẫu số 10: Mẫu chấm điểm thi đua tổng kết công tác khối các đơn vị sự nghiệp thuộc Bộ

BỘ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH
VÀ XÃ HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Đơn vị.....

BẢNG TỰ CHẤM ĐIỂM THI ĐUA NĂM

Stt	Nội dung đánh giá	Kết quả đánh giá		
		Điểm tối đa	Điểm tự chấm	Điểm đánh giá của HĐ
1	Thi đua thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị	40		
1.1	Đơn vị chủ động tham mưu, đề xuất, xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ Bộ giao hàng năm	5		
1.2	Có kế hoạch và biện pháp cụ thể và tổ chức thực hiện tốt kế hoạch công tác hàng tuần, hàng tháng, hàng quý, cả năm và kế hoạch đề ra, đảm bảo về thời gian, tiến độ và chất lượng; quản lý tốt công tác tài chính, vật tư của đơn vị.	15		
1.3	Thực hiện tốt công tác cải cách thủ tục hành chính	5		
1.4	Chủ trì và phối hợp tốt với các đơn vị liên quan thực hiện tốt các nhiệm vụ thường xuyên, đột xuất của Bộ và của đơn vị.	5		
1.5	Làm tốt công tác đào tạo, bồi dưỡng và quy hoạch cán bộ.	5		
1.6	Nộp báo cáo hàng tháng, quý đúng quy định của Bộ, ngành	5		
	<i>Căn cứ vào tỷ lệ % hoàn thành kế hoạch năm để cho điểm tương ứng theo tổng điểm của từng nội dung.</i>			
2	Thi đua thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy chế của Bộ	15		
2.1	Chấp hành các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước quy định, quy chế dân chủ ở cơ sở (Thực hiện công tác phòng chống tham nhũng, lãng phí, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, cải cách thủ tục hành chính...)	5		
2.2	Tổ chức thực hiện và tổng kết cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”	5		
2.3	Tổ chức quản lý, điều hành và thực hiện tốt các hoạt động của đơn vị theo quy chế, quy định hiện hành của Bộ	5		
	<i>Có tập thể hoặc cá nhân bị kỷ luật hình thức khiển trách trừ tối đa 15 điểm; Trường hợp khác có đơn thư kéo dài trừ 5 điểm, các nội dung khác của mục 2, mỗi nội dung trừ 1 điểm</i>			
3	Thi đua xây dựng cơ quan văn hóa, tập thể đoàn kết, tổ chức Đảng, và các đoàn thể trong sạch, vững mạnh	20		
3.1	Tập thể đoàn kết, thân thiện, tương trợ, giúp đỡ nhau.	5		

3.2	Chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ công chức, viên chức của đơn vị về mọi mặt: tạo điều kiện cho cán bộ, công chức, viên chức tự học, tự bồi dưỡng nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đời sống, vật chất tinh thần.	5		
3.3	Thường xuyên tổ chức sinh hoạt chuyên môn, nghiệp vụ, trao đổi kinh nghiệm công tác ở đơn vị	3		
3.4	Tổ chức Đảng, đoàn thể đạt danh hiệu trong sạch, vững mạnh	5		
3.5	Tham dự đầy đủ các buổi họp do lãnh đạo Chính quyền và các tổ chức Đảng, đoàn thể cấp trên triệu tập	2		
	<i>Tổ chức Đảng, đoàn thể không đạt danh hiệu trong sạch, vững mạnh trừ tối đa 5 điểm, các nội dung khác thuộc mục 3 mỗi nội dung trừ 1 điểm</i>			
4	Thực hiện công tác thi đua, khen thưởng	20		
4.1	Tổ chức quán triệt thực hiện tốt Luật Thi đua, Khen thưởng, Quy định của Bộ và đơn vị về công tác thi đua – khen thưởng	2,5		
4.2	Tham gia tốt các hoạt động tập huấn về công tác Thi đua – Khen thưởng do cấp trên tổ chức	2		
4.3	Có bố trí cán bộ giúp việc Hội đồng Thi đua – Khen thưởng của đơn vị	1,5		
4.4	Trong năm tổ chức ít nhất 02 phong trào thi đua theo chuyên đề	3		
4.5	Triển khai xây dựng kế hoạch thi đua, đăng ký danh hiệu thi đua	4		
4.6	Tổ chức phong trào thi đua theo đợt, định kỳ và hàng năm	3		
4.7	Có sơ, tổng kết, rút kinh nghiệm và nhân rộng điển hình tiên tiến	2		
4.8	Nộp báo cáo thi đua đúng hạn, nội dung chất lượng tốt.	3		
	<i>Đơn vị không tổ chức thực hiện một nội dung nào trong 8 nội dung của công tác thi đua, khen thưởng thì trừ điểm tương ứng với số điểm tối đa</i>			
5	Điểm thưởng	5		
5.1	Có sáng kiến, giải pháp trong công tác và khối lượng công việc hoàn thành tiến rõ rệt so với năm trước (có số liệu chứng minh cụ thể)	2		
5.2	Trong năm tổ chức nhiều hơn 1 đợt thi đua theo chuyên đề	1,5		
5.3	Thực hiện công khai quy chế dân chủ ở đơn vị và xây dựng tập thể vững mạnh	1,5		
	Cộng	100		

Thang điểm đủ tiêu chuẩn đề nghị xét công nhận danh hiệu thi đua

- Tập thể lao động tiên tiến: từ 70 điểm đến 89 điểm

- Tập thể lao động xuất sắc: từ 90 điểm đến 100 điểm

Đơn vị tự xếp loại:

....., ngày...tháng...năm.....

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 11: Mẫu chấm điểm thi đua tổng kết công tác Khối các Trường Đại học, Cao đẳng thuộc Bộ

BỘ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH
VÀ XÃ HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Đơn vị.....

BẢNG TỰ CHẤM ĐIỂM THI ĐUA NĂM

Stt	Nội dung đánh giá	Kết quả đánh giá		
		Điểm tối đa	Điểm tự chấm	Điểm đánh giá của HĐ
1.	Thi đua thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị	40		
1.1	<i>Thi đua trong công tác giảng dạy</i>	2		
1.1.1	<i>Chủ động xây dựng kế hoạch đào tạo: mục tiêu, chương trình, quy mô đào tạo, công tác tuyển sinh, quản lý đào tạo, kết quả đào tạo: giảng bài, ra đề thi, chấm bài, hướng dẫn luận văn...</i>	5		
1.1.2	<i>Công tác nghiên cứu khoa học: của cán bộ, giảng viên và sinh viên cấp Trường, cấp Bộ, cấp Nhà nước, đổi mới bài giảng, chương trình học phù hợp giai đoạn mới;</i>	10		
1.1.3	<i>Quản lý tốt công tác tài chính, vật tư của đơn vị, thực hiện tốt công tác cải các thủ tục hành chính</i>	5		
	<i>Căn cứ vào tỷ lệ % hoàn thành kế hoạch năm để cho điểm tương ứng theo tổng điểm của từng nội dung.</i>			
1.2	<i>Thi đua trong công tác nghiên cứu khoa học</i>	2		
1.2.1	<i>Đơn vị có ít nhất từ 02 công trình nghiên cứu cấp Bộ trở lên hoặc có Giáo viên đạt giải nhất, nhì, ba tại các Hội thi cấp Bộ hoặc tỉnh.</i>	5		
1.2.2	<i>Thực hiện nghiêm túc hợp đồng nghiên cứu khoa học</i>	8		
1.2.3	<i>Các đề tài được nghiệm thu đạt từ loại khá trở lên (Mỗi đề tài xếp loại không đạt hoặc không thực hiện đúng các điều khoản của hợp đồng nghiên cứu khoa học trừ 1 điểm);</i>	7		
2.	Thi đua thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy chế của Bộ Giáo dục, Bộ LĐTB&XH	15		
2.1	<i>Chấp hành các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước quy định (Thực hiện công tác phòng chống tham nhũng, lãng phí, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, cải cách thủ tục hành chính...)</i>	5		
2.2	<i>Tổ chức thực hiện và tổng kết cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”.</i>	5		
3.3	<i>Tổ chức quản lý điều hành và thực hiện tốt các hoạt động của đơn vị theo quy chế, quy định hiện hành của Bộ</i>	5		
2.4	<i>Có tập thể hoặc cá nhân bị kỷ luật hình thức khiển trách trừ 10 điểm, có đơn thư kéo dài hoặc có vụ việc nhưng chưa có kết luận thì trừ tối đa 15 điểm.</i>			

3.	Thi đua xây dựng cơ quan văn hóa, tập thể đoàn kết, tổ chức Đảng và các đoàn thể trong sạch, vững mạnh	20		
3.1	Tập thể đoàn kết, thân thiện, tương trợ, giúp đỡ nhau.	5		
3.2	Tạo điều kiện cho cán bộ, giảng viên, công chức, viên chức tự học, tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ	5		
3.3	Thường xuyên tổ chức sinh hoạt chuyên môn, nghiệp vụ, trao đổi kinh nghiệm công tác ở đơn vị	3		
3.4	Tham dự đầy đủ các buổi họp do lãnh đạo Chính quyền và các tổ chức Đảng, đoàn thể cấp trên triệu tập	2		
3.5	Tổ chức Đảng, đoàn thể đạt danh hiệu trong sạch, vững mạnh	5		
3.6	<i>Tổ chức Đảng, đoàn thể không đạt danh hiệu trong sạch, vững mạnh trừ 5 điểm và các nội dung khác thuộc mục 3 mỗi nội dung trừ 1 điểm</i>			
4.	Thực hiện công tác thi đua, khen thưởng	20		
4.1	Tổ chức quán triệt thực hiện tốt Luật Thi đua, Khen thưởng, quy định của Bộ của đơn vị về công tác thi đua – khen thưởng.	2,5		
4.2	Tham gia tốt các hoạt động tập huấn về công tác thi đua – khen thưởng do cấp trên tổ chức.	2		
4.3	Cử người giúp việc Hội đồng thi đua – khen thưởng của đơn vị	1,5		
4.4	Trong năm học tổ chức ít nhất 02 phong trào thi đua theo chuyên đề	3		
4.5	Triển khai xây dựng kế hoạch thi đua, đăng ký danh hiệu thi đua	4		
4.6	Tổ chức phong trào thi đua theo đợt, định kỳ và hàng năm	3		
4.7	Có sơ, tổng kết, rút kinh nghiệm và nhân rộng điển hình	2		
4.8	Nộp báo cáo thi đua đúng hạn, nội dung chất lượng tốt.	2		
4.9	<i>Đơn vị không tổ chức thực hiện một nội dung nào trong 8 nội dung của công tác thi đua, khen thưởng thì trừ điểm tương ứng với số điểm tối đa của từng nội dung</i>			
5.	Điểm thưởng	5		
5.1	Có sáng kiến, giải pháp trong công tác và khối lượng công việc hoàn thành tiến rõ rệt so với năm trước (có số liệu chứng minh cụ thể)	2		
5.2	Trong năm học tổ chức nhiều hơn 02 đợt thi đua theo chuyên đề	1,5		
5.3	Thực hiện công khai quy chế dân chủ ở cơ sở và xây dựng tập thể đơn vị vững mạnh	1,5		
	Cộng	100		

Thang điểm đủ tiêu chuẩn đề nghị xét công nhận danh hiệu thi đua:

- Tập thể lao động tiên tiến: từ 70 điểm đến 89 điểm
- Tập thể lao động xuất sắc: từ 90 điểm đến 100 điểm

Đơn vị tự xếp loại:

....., ngày...tháng...năm...

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 12: Bảng tổng hợp các chỉ tiêu, nhiệm vụ năm 20... của Sở LĐTĐBXH các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH
VÀ XÃ HỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

BẢNG TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU, NHIỆM VỤ CHỦ YẾU NĂM

STT	Các chỉ tiêu, nhiệm vụ chính của ngành và địa phương	Ước đến 31/12		Đạt tỷ lệ %	Đơn vị tự đánh giá xếp loại			
		Chỉ tiêu kế hoạch	Kết quả thực hiện		Tốt	Khá	Trung bình	Yếu, kém
I.	Các chỉ tiêu nhiệm vụ của Bộ, ngành giao <i>(Liệt kê tất cả các chỉ tiêu các nhiệm vụ của Bộ, ngành giao)</i>							
1.								
2.								
...							
II.	Các chỉ tiêu nhiệm vụ khác của địa phương giao (nếu có)							
1.								
2.								
...							
III.	Kết quả đánh giá các tổ chức Đảng, đoàn thể khác của đơn vị							
1.								
2.								
....								
IV.	Các hoạt động phong trào thi đua khác (Thống kê các hoạt động chính)							
1.								
2.								

Xác nhận của cấp trên quản lý

Giám đốc Sở LĐTĐBXH
(Ký đóng dấu)

Biểu số 13: Mẫu chấm điểm thi đua tổng kết năm 20... cho các Sở LĐTBXH tỉnh thành phố trực thuộc trung ương

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH
VÀ XÃ HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢNG TỰ CHẤM ĐIỂM THI ĐUA NĂM

Stt	Nội dung đánh giá	Kết quả đánh giá		
		Điểm tối đa	Điểm tự chấm	Điểm đánh giá của HĐ
1	Thi đua thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị	40		
1.1	Đơn vị chủ động tham mưu, đề xuất kế hoạch và giải pháp cụ thể tổ chức thực hiện công tác hàng tuần, hàng tháng, hàng quý về tất cả các lĩnh vực ngành lao động và người có công đạt về tiến độ thời gian, chất lượng (<i>Lấy tổng điểm chia cho các lĩnh vực ngành, lĩnh vực nào không đạt bị trừ điểm theo tỷ lệ hoàn thành kế hoạch</i>)	20		
1.2	Quản lý tài chính, vật tư, tài sản của đơn vị tốt	5		
1.3	Thực hiện tốt công tác cải các thủ tục hành chính	3		
1.4	Chủ trì và phối hợp tốt với các đơn vị liên quan nhằm thực hiện tốt các nhiệm vụ thường xuyên, đột xuất của Tỉnh, Ngành và của đơn vị.	4		
1.5	Làm tốt công tác đào tạo, bồi dưỡng, quy hoạch cán bộ	4		
1.6	Nộp báo cáo hàng tháng, quý đúng quy định của Bộ, ngành, địa phương	4		
	<i>Đơn vị không đạt nội dung 1.1 trừ theo tỷ lệ % điểm tương ứng, một trong 5 nội dung còn lại không hoàn thành mỗi nội dung trừ ít nhất 1 điểm</i>			
2	Thi đua thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy chế của Bộ	15		
2.1	Chấp hành các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước quy định, Quy chế dân chủ ở cơ sở (Thực hiện công tác phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, cải cách thủ tục hành chính...)	5		
2.2	Tổ chức thực hiện và tổng kết cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”	5		
2.3	Tổ chức quản lý, điều hành và thực hiện tốt các hoạt động của đơn vị theo quy chế, quy định hiện hành của Bộ	5		
	<i>Có tập thể hoặc cá nhân bị kỷ luật hình thức khiển trách trừ 5 điểm, đơn thư kéo dài có vụ việc trừ 5 điểm và các nội dung còn lại không hoàn thành mỗi nội dung trừ 1 điểm</i>			
3	Thi đua xây dựng cơ quan văn hóa, tập thể đoàn kết, tổ chức Đảng, và các đoàn thể trong sạch, vững mạnh	20		

3.1	Tập thể đoàn kết, thân thiện, tương trợ, giúp đỡ nhau.	3		
3.2	Chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ công chức, viên chức của đơn vị về mọi mặt: tạo điều kiện cho cán bộ, công chức, viên chức tự học, tự bồi dưỡng nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đời sống, vật chất tinh thần.	5		
3.3	Thường xuyên tổ chức sinh hoạt chuyên môn, nghiệp vụ, trao đổi kinh nghiệm công tác ở đơn vị	5		
3.4	Tổ chức Đảng, đoàn thể đạt danh hiệu trong sạch, vững mạnh	5		
3.5	Tham dự đầy đủ các buổi họp do lãnh đạo Chính quyền và các tổ chức Đảng, đoàn thể cấp trên triệu tập	2		
	<i>Tổ chức Đảng, đoàn thể không đạt danh hiệu trong sạch, vững mạnh trừ 3 điểm, các nội dung khác trừ 1 điểm</i>			
4	Thực hiện công tác thi đua, khen thưởng	20		
4.1	Tổ chức quán triệt thực hiện tốt Luật Thi đua, Khen thưởng, Quy định của Bộ và đơn vị về công tác thi đua – khen thưởng	2,5		
4.2	Tham gia tốt các hoạt động tập huấn về công tác Thi đua – Khen thưởng do cấp trên tổ chức	2		
4.3	Cử người giúp việc Hội đồng Thi đua – Khen thưởng của đơn vị	1,5		
4.4	Trong năm tổ chức ít nhất 02 phong trào thi đua theo chuyên đề	3		
4.5	Triển khai xây dựng kế hoạch, đăng ký danh hiệu thi đua	4		
4.6	Tổ chức phong trào thi đua theo đợt, định kỳ và hàng năm	3		
4.7	Có sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm và nhân rộng điển hình tiên tiến	2		
4.8	Nộp báo cáo thi đua đúng hạn, nội dung chất lượng tốt.	3		
	<i>Đơn vị không tổ chức thực hiện một nội dung nào trong 8 nội dung của công tác thi đua, khen thưởng thì trừ điểm tương ứng với số điểm tối đa</i>			
5	Điểm thưởng	5		
5.1	Có sáng kiến, giải pháp trong công tác và khối lượng công việc hoàn thành tiến rõ rệt so với năm trước (có số liệu chứng minh cụ thể)	2		
5.2	Trong năm tổ chức nhiều hơn 1 đợt thi đua theo chuyên đề	1,5		
5.3	Thực hiện công khai quy chế dân chủ ở đơn vị và xây dựng tập thể vững mạnh	1,5		
	Cộng	100		

Thang điểm đủ tiêu chuẩn đề nghị xét công nhận danh hiệu thi đua

- Tập thể lao động tiên tiến: từ 70 điểm đến 89 điểm

- Tập thể lao động xuất sắc: từ 90 điểm đến 100 điểm

Đơn vị tự xếp loại:

....., ngày...tháng...năm.....

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

Biểu số 14: Biểu chấm điểm thi đua đối với cá nhânBỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH
VÀ XÃ HỘICỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tên đơn vị:.....

BẢNG TỰ CHẤM ĐIỂM THI ĐUA ĐỐI VỚI CÁ NHÂN NĂM 2.....

St t	Nội dung đánh giá	Kết quả đánh giá			
		Điểm tối đa	Điểm bị trừ	Điểm tự chấm	Đánh giá của HĐ
A. NHÓM CÁC TIÊU CHUẨN CHUNG (Tối đa 70 điểm)					
1	Thực hiện các nhiệm vụ được giao (<i>Kết quả công tác; Tinh thần phối hợp công tác; Tinh thần và thái độ phục vụ nhân dân; thực hiện công tác cải cách thủ tục hành chính; tiến độ và chất lượng công việc</i>)	40			
	Hoàn thành nhiệm vụ được giao (<i>Hoàn thành trên 90% nhiệm vụ chuyên môn được giao, đảm bảo đúng thời hạn, chất lượng công việc tốt</i>)	30			
	Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao (<i>Hoàn thành 100% nhiệm vụ chuyên môn được giao, đảm bảo đúng thời hạn, chất lượng công việc tốt</i>)	35			
	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao (<i>Hoàn thành 100% nhiệm vụ chuyên môn và các công việc phát sinh được giao, đảm bảo hoàn thành trước thời hạn thời hạn quy định, chất lượng công việc đạt mức độ xuất sắc, có tinh thần phối hợp công tác với đồng nghiệp</i>)	40			
	<i>Bỏ sót hoặc không hoàn thành nhiệm vụ được phân công.</i>		20		
	<i>Từ chối nhiệm vụ được giao mà không có lý do chính đáng</i>		20		
	<i>Giải quyết chậm công việc được giao mà lỗi là do nguyên nhân chủ quan hoặc kết quả công việc không đạt chất lượng</i>		10		
	<i>Không thực hiện tốt việc phối hợp khi được giao nhiệm vụ có liên quan đến 1 hay 1 nhóm cá nhân khác trong đơn vị, các đơn vị liên quan</i>		10		
2	Chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước	15			
	Đảm bảo trên 90% số ngày làm việc trong năm	5			
	Có phẩm chất đạo đức tốt; đoàn kết; trung thực; gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, quy chế làm việc của cơ quan và đơn vị	6			
	Phối hợp tốt với đồng nghiệp trong đơn vị và các đơn vị có liên quan trong giải quyết công việc.	2			
	Tích cực tham gia các phong trào thi đua do đơn vị hoặc cơ quan cấp trên phát động hoặc kêu gọi hưởng ứng.	2			
	<i>Vi phạm chủ trương, chính sách của đảng, pháp luật của Nhà nước; Luật Phòng, chống tham nhũng, Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí ... bị người có thẩm quyền phê bình.</i>		2		
	<i>Vi phạm kỷ cương, kỷ luật của Ngành; nội quy, quy chế của cơ quan đơn vị</i>		2		
	<i>Bỏ họp không có lý do</i>		2		
	<i>Tự ý nghỉ làm việc không có lý do</i>		2		

	<i>Vi phạm giờ làm việc, công lao động không có lý do</i>		2		
3	Đạo đức, tác phong, tinh thần học tập nâng cao trình độ	10			
	Có phẩm chất đạo đức tốt, yêu ngành, yêu nghề, tâm huyết với công việc, có đạo đức công vụ, công chức.	5			
	Có tinh thần cầu toàn thường xuyên học hỏi kinh nghiệm từ các lớp người đi trước.	2			
	Có tác phong làm việc năng động, linh hoạt, khả năng thích ứng nhanh với công việc mới, với môi trường làm việc mới.	3			
	<i>Vi phạm quy định về văn minh công sở bị nhắc nhở.</i>		2		
	<i>Có thái độ làm việc chưa tốt, có hành vi cố ý gây phiền hà, sách nhiễu trong giải quyết công vụ bị phản ánh (được xác minh đúng)</i>		2		
	<i>Tinh thần hợp tác, giúp đỡ đồng nghiệp chưa tốt (có khả năng nhưng từ chối giúp đỡ, hỗ trợ)</i>		2		
	<i>Có hành vi gây mất đoàn kết nội bộ (thông tin sai lệch, chia rẽ cá nhân, bè phái, viết đơn thư tố cáo sai sự thật...)</i>		2		
	<i>Không tham gia các lớp học, tập huấn do cơ quan, đơn vị hoặc cấp trên tổ chức mà không có lý do chính đáng</i>		2		
	<i>Uống rượu, bia hoặc say rượu, bia trong giờ làm việc</i>		2		
	<i>Không chủ động tự học tập, nghiên cứu nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ</i>		2		
4	Có sáng kiến, giải pháp công tác, đề tài nghiên cứu hoặc áp dụng công nghệ mới để tăng năng suất lao động, hiệu quả công tác	5			
B. NHÓM CÁC TIÊU CHUẨN MANG TÍNH ĐẶC THÙ (Tối đa 30 điểm)					
1	Đối với cá nhân làm công tác quản lý nhà nước	30			
	Tham gia, đề xuất xây dựng và cụ thể hóa các cơ chế, chính sách và pháp luật	10			
	Tham gia, đề xuất các giải pháp lớn liên quan đến các nhiệm vụ Ngành: + <i>Chủ động đề xuất hoặc chủ trì thực hiện</i>	10			
	+ <i>Chỉ là thành viên tham gia</i>	5			
	Nắm vững đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước, các văn bản quy phạm pháp luật và quy chế làm việc của cơ quan	10			
2	Đối với cá nhân làm công tác sự nghiệp	30			
	Có đề xuất, kiến nghị hợp lý bổ sung cho các cơ chế, chính sách và pháp luật	6			
	Có các bài báo, công trình khoa học được đăng trên các tạp chí trong nước, quốc tế	6			
	Có sản phẩm nghiên cứu được áp dụng vào quản lý, sản xuất và đời sống đem lại hiệu quả kinh tế, xã hội	6			
	Có những bài báo có chất lượng, phản ánh kịp thời các kết quả hoạt động của toàn ngành	6			
	Tham gia soạn giáo trình, tham gia giảng dạy các lớp tập huấn về nghiệp vụ Ngành LĐ-TBXH	6			

3	Đối với cá nhân làm công tác phục vụ	30			
	Thực hiện tốt công tác phục vụ được giao đáp ứng kịp thời yêu cầu công việc cho lãnh đạo và các đơn vị, đảm bảo an toàn trong cơ quan	10			
	Tinh thần phục vụ tận tụy và chu đáo, không bị phàn nàn, phê bình, chê trách	10			
	Tiết kiệm cho cơ quan (điện, nước, xăng dầu, vật tư khác...)	10			
4	Đối với cá nhân làm công tác giảng dạy	30			
	Hoàn thành và hoàn thành vượt mức khối lượng giảng dạy được phân công theo chức danh.	5			
	Lên lớp đầy đủ, đúng giờ. Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ và tài liệu phục vụ cho việc lên lớp giảng dạy. Đảm bảo quy chế giảng dạy, quy chế thi, kiểm tra.	5			
	Nội dung giảng dạy đảm bảo kiến thức cơ bản, chính xác; Phong phú, gắn với thực tiễn, giúp cho việc hình thành kỹ năng của sinh viên.	5			
	Có phương pháp dạy học và tác phong sư phạm: Phù hợp theo hướng phát triển, phát huy tính tự giác, chủ động, tư duy sáng tạo, hình thành ý thức tự giác của SV trong học tập và NCKH. Có bài giảng ứng dụng công nghệ thông tin vào việc đổi mới phương pháp dạy học (có xác nhận của bộ môn, khoa). Có tài liệu hướng dẫn sinh viên tự học. Trách nhiệm và nhiệt tình giúp đỡ, tạo điều kiện cho người học khi gặp khó khăn trong nhận thức.	10			
	Kết quả học tập của sinh viên về học phần, môn học do giáo viên phụ trách (<i>đánh giá cả 2 nội dung và tính kết quả học tập của tổng số học sinh sinh viên trong năm</i>).	5			
5	Đối với cá nhân làm công tác nghiên cứu khoa học	30			
	Có các bài báo, công trình khoa học được đăng trên các tạp chí trong nước và quốc tế. (Mỗi bài báo được đăng trên tạp chí trong nước 05 điểm, đăng trên tạp chí quốc tế 10 điểm)	15			
	Có các công trình, sản phẩm nghiên cứu được áp dụng vào quản lý, sản xuất và đời sống đem lại hiệu quả kinh tế, xã hội. + Đối với cá nhân chủ trì: 15 điểm + Đối với thành viên tham gia: 05 điểm	15			
	Cộng	100			

Thang điểm đủ tiêu chuẩn đề nghị xét công nhận danh hiệu thi đua

- Lao động tiên tiến: từ 70 điểm đến 90 điểm

- Chiến sỹ thi đua cơ sở: từ 90 điểm đến 100 điểm

Đơn vị tự xếp loại:.....

....., ngày...tháng...năm...

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

NGƯỜI TỰ ĐÁNH GIÁ
(Ký tên)